

**CTCP TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN
THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 2304-4/2025/CV-AAT

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
 - Mã chứng khoán: AAT
 - Địa chỉ: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bìm Sơn, P. Bắc Sơn, TX. Bìm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
 - Điện thoại liên hệ: (84-237) 3770.304 Fax: (84-237) 3772.064
 - E-mail: congtytiensonth@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Đính chính Báo cáo thường niên năm 2024 (Lý do: Bổ sung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/04/2025 tại đường dẫn: <http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2024 đã được đính chính

Đại diện tổ chức

Người được UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Trang

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm báo cáo: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
- Mã chứng khoán: AAT
- Trụ sở chính: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800222245 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 22/07/1995, thay đổi lần thứ 19 ngày 09/08/2023.
- Vốn điều lệ: 708.191.030.000 đồng
- Số điện thoại/: 084.924.6666
- Số fax: (84-237) 3772 064
- Logo:



- Website: www.tiensonaus.com

***Quá trình hình thành và phát triển:**

Thời điểm	Sự kiện
Năm 1995	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa, thành lập ngày 22 tháng 7 năm 1995. Khi mới thành lập, vốn điều lệ chỉ có 500 triệu đồng, với 10 lao động, hoạt động SXKD nhỏ lẻ như: Mua bán sắt thép phế liệu, phế thải, xi măng thu vét, đóng gạch block tiêu thụ trên địa bàn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, doanh thu những năm đầu 70 triệu đồng/năm, nộp ngân sách nhà nước 1,5 triệu đồng/năm.
Năm 2000	Công ty xây dựng xưởng xén, kẻ giấy và đóng sách vở học sinh, đã thu hút thêm 20 lao động làm việc. Mua phương tiện vận tải, mở rộng thêm ngành nghề dịch vụ vận tải và bốc dỡ hàng hóa, thị trường mở rộng ra toàn quốc, số lao động tăng lên 55 người.
Năm 2002	Công ty đầu tư cơ sở vật chất, tuyển dụng lao động, đào tạo công nhân sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

Năm 2003	Ngày 16/4/2003, một nghìn sản phẩm thủ công mỹ nghệ đầu tiên đã được xuất khẩu sang thị trường Australia.
Năm 2004	Tháng 6/2004, nhà máy sản xuất hàng gỗ mỹ nghệ xuất khẩu được xây dựng hoàn chỉnh, với vốn đầu tư 15 tỷ đồng, đi vào hoạt động hiệu quả đạt 130.000 - 150.000 sản phẩm mỗi năm. Giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 1.000.000USD/năm và được tiêu thụ trên 30 quốc gia trên thế giới. Các ngành nghề kinh doanh khác cũng được mở rộng.
Năm 2006	Công ty mua lại Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa của Công ty Cổ phần May 40 Hà Nội, diện tích 4,5ha, bước đầu chỉ có 210 lao động, sau đó tăng lên hơn 500 lao động.
Năm 2007	Tháng 7/2007, Công ty đầu tư thêm xí nghiệp may xuất khẩu Kim Tân tại thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, giá trị đầu tư 5 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho hơn 200 lao động.
Năm 2008	Xây dựng nhà xưởng số 2 và các công trình phụ trợ giai đoạn II Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bỉm Sơn vốn đầu tư 50,2 tỷ đồng đủ chỗ làm việc cho 1.000 lao động
Năm 2009	Công ty tiếp tục đầu tư Nhà máy may Xuất khẩu Nga Sơn tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, vốn đầu tư 120 tỷ đồng, diện tích 3,5 ha, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.
Năm 2011	Công ty đầu tư Nhà máy may xuất khẩu Yên Định, diện tích hơn 3,1 ha, với vốn đầu tư 120 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.
Năm 2012	Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa thực hiện tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng thông qua các thành viên trong hội đồng thành viên tham gia góp vốn.
Năm 2013	Công ty tiếp tục thực hiện tăng vốn lên 348 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư vào các nhà máy may xuất khẩu.
Năm 2014	Năm 2014 Công ty đầu tư xây dựng Nhà máy may Xuất khẩu Thọ Xuân tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa diện tích 3,8 ha, vốn đầu tư 150 tỷ đồng đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động. - Ngày 10/3/2014, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, lấy tên là Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa, với vốn điều lệ là 348 tỷ đồng, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/3/2014. - Ngày 29/10/2014 Công ty trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn theo Công văn số 5947/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, về việc chấp thuận Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa là Công ty đại chúng quy mô lớn.
Năm 2017 - 2018	Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Triệu Sơn tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 3,6 ha, tổng vốn đầu tư 166 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.

Tháng 1/2020	Công ty khởi công xây dựng Nhà máy may Quý Lộc tại xã Quý Lộc (nay là thị trấn Quý Lộc), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 4,22 ha.
Tháng 3/2020	Công ty đã chuyển nhượng Nhà máy may xuất khẩu Thọ Xuân
Năm 2021	Tháng 3/2021, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, mã chứng khoán AAT theo quyết định số 887/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2020 của Sở giao dịch chứng khoán TP HCM. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu một giai đoạn mới trong sự phát triển của Công ty.
	Tháng 10/2021, tăng vốn điều lệ thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua tại nghị quyết số 1906-2/2021/ĐHĐCĐ-AAT ngày 19 tháng 06 năm 2021. Tăng vốn điều lệ công ty từ 348.000.000.000 đồng lên 388.014.890.000 đồng. Thay đổi vốn điều lệ trong điều lệ công ty lần thứ 8 và giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 15 của công ty.
	Tháng 11/2021, hoàn thành mở rộng giai đoạn III Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bỉm Sơn, vốn đầu tư 50 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho 1.500 lao động; Nhà máy may xuất khẩu Quý Lộc tổng vốn đầu tư 200 tỷ đồng, quy mô đáp ứng cho 4.000 lao động.
	Tháng 12/2021, tăng vốn điều lệ thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua tại nghị quyết số 1906-2/2021/NQ/ĐHĐCĐ-AAT ngày 19 tháng 06 năm 2021. Tăng vốn điều lệ công ty từ 388.014.890.000 đồng lên 638.014.890.000 đồng. Thay đổi vốn điều lệ tại điều lệ công ty lần thứ 9 và giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 16 của công ty.
Năm 2022	Ngày 12/5/2022, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/5/2022.
	Tháng 3/2022, Công ty đã chuyển nhượng bất động sản đầu tư là Nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn.
Năm 2023	Tháng 07/2023, tăng vốn điều lệ thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 2604-2/2023/NQ/ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023. Tăng vốn điều lệ công ty từ 638.014.890.000 đồng lên 708.191.030.000 đồng. Thay đổi vốn điều lệ tại Điều lệ Công ty lần thứ 12 và giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 19 của Công ty.

Năm 2024	Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào 04 công ty con: 1. Công ty TNHH Victory VietNam (Góp 108.100.000.000 đồng, chiếm 90,08% Vốn điều lệ của Công ty) 2. Công ty Cổ phần Hoàng Hải – TS (Góp 131.269.100.000 đồng, tương ứng 1.312.691 cổ phần, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty) 3. Công ty Cổ phần HT Việt Nga (Góp 38.700.000.000 đồng, tương ứng 387.000 cổ phần, chiếm 96,75% Vốn điều lệ của Công ty) 4. Công ty Cổ phần Thành Công Tiên Sơn (góp 12.000.000.000 đồng, tương ứng 120.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ của Công ty)
----------	---

Ban đầu, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp và mua bán vật liệu xây dựng, vận tải. Sau đó, dựa trên việc nghiên cứu thị trường và tình hình ở địa phương, Công ty đã mở rộng sang lĩnh vực sản xuất hàng may mặc để xuất khẩu, và đến nay, ngành hàng này đã trở thành lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Sau 29 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa đã đạt được những thành tựu quan trọng. Quy mô vốn điều lệ tăng 142 lần, tổng số LĐ công ty đang quản lý và cho thuê là gần 10.000LĐ, gấp 1.000 lần so với khi mới thành lập. Công ty đã từng bước khẳng định uy tín và sự tin cậy với các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại Công ty có 05 nhà máy may cung ứng sản phẩm gia công may mặc xuất khẩu.

Công ty đang tiếp tục xây dựng thêm 01 xưởng tại Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà, thị xã Bỉm Sơn (xưởng số 4) và các công trình phụ trợ. Cải tạo, sửa chữa, xây thêm một số hạng mục công trình tại Nhà máy may xuất khẩu Yên Định, Thọ Xuân và Quý Lộc đáp ứng sản xuất.

Công ty cũng có lượng khách hàng lớn, truyền thống ở nước ngoài, chủ yếu đến từ: Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ, Nhật Bản và EU,... Định hướng trong năm 2025: mở rộng quan hệ với các khách hàng, đối tác lớn để sản xuất sản phẩm FOB mang lại doanh thu, lợi nhuận cao.

Từ khi thành lập đến nay, công ty luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống cho người lao động (NLĐ), hoàn thành tốt nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

*** Các giải thưởng, thành tựu trong năm**

	Giải thưởng
 CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA TẶNG BẰNG KHEN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA Số 09 Khu Công nghiệp Bắc Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bắc Sơn Đã có nhiều thành tích trong đợt 1 Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 2 năm 2024 - 2025. Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 Số chữ ký: 10 Thanh Hóa, ngày 10 tháng 12 năm 2024 BỘ THƯ Đỗ Minh Tuấn	Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa “Đã có nhiều thành tích trong đợt 1 Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 2 năm 2024-2025”
 CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA TẶNG BẰNG KHEN Ông: TRỊNH XUÂN LÂM Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa, Số 09 Khu công nghiệp Bắc Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bắc Sơn Đã có nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024. Quyết định số: 140/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2024 Số chữ ký: 11 Thanh Hóa, ngày 08 tháng 12 năm 2024 BỘ THƯ Đỗ Minh Tuấn	Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen Ông Trịnh Xuân Lâm “Đã có nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024”



Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn
tặng Giấy khen Công ty Cổ
phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh
Hóa “Có nhiều đóng góp trong
công tác An sinh Xã hội trên địa
bàn thị xã Bim Sơn”



Quyết định số 2416/QĐ-UBND
ngày 13/06/2024 về việc tặng
cờ thi đua của Ủy ban nhân dân
tỉnh Thanh Hóa cho Công ty Cổ
phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh
Hóa



Ban chấp hành Trung ương Hội
khuyến học Việt Nam tặng kỷ
niệm chương Vì sự nghiệp
khuyến học cho ông Trịnh
Xuân Lâm “Đã có công lao
đóng góp đối với sự nghiệp
khuyến học, khuyến tài, xây
dựng xã hội học tập”

22
NG
PH
ĐC
V S
JH
T.A

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Một số ngành nghề kinh doanh chính:

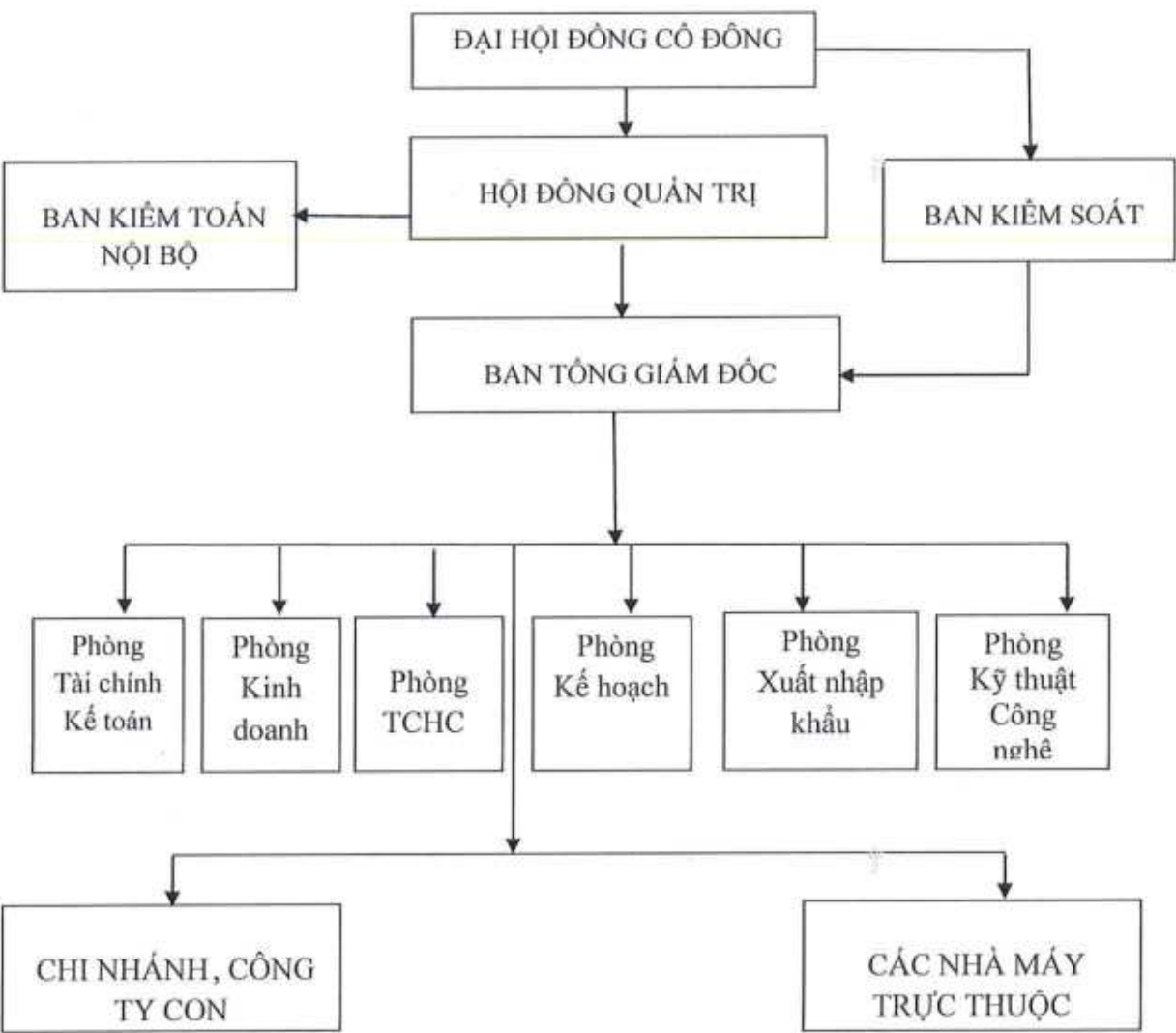
STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410 (Chính)
2	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống)	4620
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810

- Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài trên khắp thế giới.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:** Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020

* **Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa**



*** Chi nhánh, các nhà máy sản xuất**

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ do Ban Lãnh đạo Công ty phân công và do các Phó Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo điều hành sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc. Hiện tại, Công ty có 01 chi nhánh, 05 nhà máy may.

*** Các công ty con, công ty liên kết:**

- Các Công ty con:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HẢI –TS

Địa chỉ	: Khu TMDV và dân cư B-TM1, KDT mới Đông Hương, P. Đông Hương, TP TH, Tỉnh Thanh Hóa
Vốn điều lệ đăng ký	: 138.178.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 138.178.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Tỷ lệ nắm giữ của AAT	: 95%

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH CÔNG TIÊN SƠN

Địa chỉ	: Số nhà 1A Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Vốn điều lệ đăng ký	: 20.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 20.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
Tỷ lệ nắm giữ của AAT	: 60 %

CÔNG TY CỔ PHẦN HT VIỆT NGÀ

Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hóa
Vốn điều lệ đăng ký	: 40.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 40.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Tỷ lệ nắm giữ của AAT	: 96,75 %

CÔNG TY TNHH VICTORY VIETNAM

Địa chỉ	: Khu phố Xuân Tâm, Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá
Vốn điều lệ đăng ký	: 120.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 120.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
Tỷ lệ nắm giữ của AAT	: 90,08 %

- Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG PHÁT

Địa chỉ	: Số nhà 12 Phùng Hưng, phường Phú Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
Vốn điều lệ đăng ký	: 160.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 160.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: Xây dựng dân dụng và dịch vụ lưu trú
Tỷ lệ nắm giữ của AAT	: 42,08 %

Ngày 28/11/2024, AAT đã hoàn tất giao dịch bán toàn bộ 6.732.200 cổ phiếu công ty Cổ phần Lương Phát, làm giảm tỷ lệ sở hữu của AAT tại Lương Phát còn 0 cổ phiếu, tương đương 0% số phiếu có quyền biểu quyết. Công ty Lương Phát không còn là công ty liên kết của AAT.

4. Định hướng phát triển:

a. Tập trung vào nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên sâu với 3 lĩnh vực chính:

- Thứ nhất là: lĩnh vực quản trị tổ chức, nhân sự, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Thứ hai là: lĩnh vực quản trị kế hoạch, định hướng, đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.
- Thứ ba là: lĩnh vực quản trị tài chính.

b. Tập trung vào việc nâng cao năng lực quản trị, tổ chức quản lý chất lượng, chú trọng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa cao, đáp ứng với thời kỳ công nghệ 4.0, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, sản xuất xanh, sạch, thân thiện môi trường, có trách nhiệm xã hội, khẳng định uy tín – thương hiệu đưa AAT lên tầm cao mới, nằm trong TOP đầu của tỉnh Thanh Hoá và khu vực Bắc Trung Bộ.

c. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI vào quản lý sản xuất, nâng cao hiệu suất lao động.

d. Phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh cho ngành may xuất khẩu để chủ động trước các biến động của thị trường thế giới. Chú trọng công tác thiết kế thời trang, tạo ra các sản phẩm dệt may có tính khác biệt cao, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm.

e. Tập trung và chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế, lo đủ việc làm cho NLD trong chiến lược đa dạng hóa thị trường, mặt hàng, khách hàng. Lựa chọn được nguồn khách hàng truyền thống, lâu dài và phù hợp với điều kiện của Công ty. Điều đó đòi hỏi bên cạnh những nỗ lực cải tiến để duy trì đáp ứng và tìm hiểu được những yêu cầu của khách hàng truyền thống, nghiên cứu tìm hiểu và đánh giá đúng những lợi thế mà chính Công ty mang lại cho khách hàng.

f. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

g. Định hướng chiến lược đầu tư phát triển, mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh một cách khoa học, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Chuyển đổi mô hình sản xuất từ SX gia công đơn thuần sang sản xuất hàng FOB mang lại giá trị cao tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Phát triển mạnh lĩnh vực kinh doanh bất động sản công nghiệp. Xây dựng kinh doanh Cụm công nghiệp

- Phát triển chuỗi kinh doanh thương mại, cung ứng NPL cho ngành may

- Kinh doanh đại lý mua bán xe ô tô

- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dưỡng lão

h. Quyết liệt rà soát, kiểm soát chặt các chi phí, cắt giảm chi phí không cần thiết. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, coi chất lượng sản phẩm, dịch vụ là yếu tố sống còn của doanh nghiệp.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững:**

- Về môi trường: Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường xanh, đội ngũ Ban lãnh đạo của Tiên Sơn luôn không ngừng cải tiến, phát triển các kế hoạch kinh doanh của Công ty song song với việc bảo vệ môi trường.

- Cam kết giảm thiểu các tác động môi trường do các hoạt động của công ty với mục đích ngăn ngừa ô nhiễm, tuân thủ pháp luật, các yêu cầu khác và cố gắng nỗ lực cho các hoạt động cải thiện môi trường trong công ty và cho toàn cộng đồng, bao gồm các hoạt động sau:
- Sử dụng hiệu quả tài nguyên như điện, giấy, gas để giảm thiểu các tác động lên môi trường.
- Sử dụng năng lượng tái tạo, lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời tại các nhà máy
- Áp dụng các biện pháp tốt nhất trong quản lý và xử lý rác thải, các vấn đề liên quan đến sức khỏe của NLD bao gồm cả tình huống khẩn cấp.
- Giáo dục và đào tạo mọi người ý thức bảo vệ môi trường.
- Đặt mục tiêu chỉ tiêu môi trường cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường.
- Phổ biến chính sách môi trường đến mọi người làm việc cho công ty bao gồm các nhà thầu và cộng đồng.

- Về xã hội và cộng đồng: thành công của một doanh nghiệp hiện nay không chỉ là đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, lợi ích cổ đông mà phải sáng tạo, mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội. Doanh nghiệp phát triển bền vững là nền tảng quan trọng đóng góp vào sự thịnh vượng của quốc gia. Hiểu được tầm quan trọng đó, Tiên Sơn luôn chú trọng các hoạt động hướng đến cộng đồng. Cùng với việc phát triển, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, trong những năm qua Công ty đã trích một phần kinh phí từ lợi nhuận, quan tâm đến công tác hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo:

- Nhận phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ liệt sỹ từ năm 1996 tại thị xã Bim Sơn
- Phụng dưỡng suốt đời 4 Mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Như Thanh
- Đã xây tặng được tổng số 40 ngôi nhà tình nghĩa
- Tặng hàng trăm sổ tiết kiệm cho người nghèo, gia đình chính sách
- Tặng hàng nghìn xuất quà cho các hộ nghèo, tặng quà cho các Cựu cao niên nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm

- Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo học giỏi, giải thưởng cho học sinh đoạt huy chương trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế
 - Tài trợ khám và cấp thuốc chữa bệnh cho người nghèo tại quê nhà của Chủ tịch HĐQT Trịnh Xuân Lâm
 - Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt.
 - Tài trợ “Quỹ khuyến học Trịnh Lâm” cho xã Hà Vinh, huyện Hà Trung và Thị xã Bim Sơn: 2 tỷ đồng.
 - Ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19: 2,5 tỷ đồng
 - Tài trợ 172 chiếc giường cho bộ đội Trường Sa giá trị 1 tỷ đồng
- Tổng số tiền đóng góp xã hội, từ thiện nhân đạo từ khi thành lập đến nay là hơn 30 tỷ đồng.

5. Các rủi ro ảnh hưởng tới công ty:

- * Rủi ro về kinh tế
- * Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới
- * Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam
- * Rủi ro lãi suất
- * Rủi ro tỷ giá
- * Rủi ro về luật pháp
- * Rủi ro đặc thù
- * Rủi ro cạnh tranh và rủi ro thị trường
- * Rủi ro nguồn nhân lực
- * Rủi ro về biến động giá cổ phiếu
- * Rủi ro khác
- * Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các kho hàng hóa, nguyên vật liệu.

Hỏa hoạn là rủi ro nguy hiểm với mọi doanh nghiệp song với công ty may mặc, nguyên vật liệu, thành phẩm đều là vật liệu dễ bắt lửa. Do vậy, công tác phòng chống cháy nổ luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Từng nhà xưởng, phòng ban của Công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy theo quy định, mọi NLĐ đều được trang bị kiến thức, kỹ năng chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc tổ chức diễn tập PCCC, góp phần nâng cao kiến thức cho NLĐ khi tình huống xấu xảy ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng 1: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2024

ST T	Khoản mục	Năm 2024		% So sánh doanh thu 2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu hoạt động gia công	159.171.120.385	27,40%	116,43%
2	Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng	60.933.122.000	10,49%	130,01%
3	Doanh thu hoạt động thương mại	359.574.200.638	61,91%	87,05%
4	Hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư	-	-	-
5	Doanh thu khác	1.129.231.970	0,20%	117,37%
Tổng cộng		580.807.674.993	100.00%	

Là một doanh nghiệp may mặc chủ yếu may gia công xuất khẩu. Sản phẩm của Công ty chủ yếu các mặt hàng: áo sơ mi, quần tây, áo thun cao cấp, quần jean, phụ kiện trang phục... với thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ và EU chiếm khoảng 70%, Hàn Quốc khoảng 20%, các nước khác khoảng 10%. Cuối năm 2024, tình hình đơn hàng ổn định hơn, doanh thu từ hoạt động gia công tăng 16,43% so với năm 2023 và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm 2025.

Doanh thu từ cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng đã ký tăng đáng kể so với năm 2023 (25,90%); Doanh thu từ hoạt động thương mại giảm 13,03% so với năm 2023.

Bảng 2: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2024

STT	Khoản mục	Năm 2024	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận hoạt động gia công	21.593.493.913	41,91
2	Lợi nhuận hoạt động cho thuê nhà xưởng	24.238.808.762	47,04
3	Lợi nhuận hoạt động thương mại	4.564.795.678	8,86
4	Hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư	-	-
5	Lợi nhuận khác	1.129.231.970	2,19
	Tổng cộng	51.526.330.323	100,00%

2, Tổ chức và nhân sự

- Danh sách và thông tin Ban điều hành:

a, Danh sách HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	8.331.465	11,76%
2	Trịnh Xuân Lượng	Thành viên	1.256.853	1,77%
3	Trịnh Văn Dương	Thành viên	557.053	0,79%
4	Võ Hồng Khanh	Thành viên độc lập	123	0,00017%
5	Dương Thị Dung	Thành viên độc lập	123	0,00017%



ÔNG TRỊNH XUÂN LÂM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 (Sinh năm 1956)

- Trình độ chuyên môn:

Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm:

Ông là người sáng lập CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa, đã có 30 năm kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp. Từ năm 2014 đến nay, ông Trịnh Xuân Lâm là Chủ tịch HĐQT của AAT.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 8.331.465 cổ phần (chiếm 11,76% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác:

Ủy viên BTV Hiệp hội Doanh nghiệp Doanh nhân CCB Việt Nam;

Ủy viên BCH Hội CCB tỉnh Thanh Hóa;

Ủy viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa;

Chủ tịch Hiệp hội Dệt may tỉnh Thanh Hóa;

Phó Chủ tịch Hiệp hội DN tỉnh Thanh Hóa;

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Doanh nhân CCB tỉnh Thanh Hóa;

Chủ tịch HĐQT CTCP May Tatsu

Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc

Chủ tịch HĐQT CTCP Sản xuất và Thương mại Phú Lộc.



ÔNG TRỊNH XUÂN LƯỢNG
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT
 (Sinh năm 1975)

- Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm:

Ông là người đồng sáng lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa, là cán bộ cấp cao có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Hiện đang là Phó chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị AAT.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 1.256.853 cổ phần (chiếm 1,77% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác:

Chủ tịch Hội Doanh nghiệp thị xã Bim Sơn
 Ủy viên BCH Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa

Phó chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp TP Thanh Hóa

Chủ tịch HĐQT CTCP Lương Phát
 Thành viên HĐQT CTCP May Tatsu



ÔNG TRỊNH VĂN DƯƠNG
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 (Sinh năm 1978)

- Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm:

Ông gia nhập AAT từ những ngày đầu thành lập, có nhiều năm kinh nghiệm là quản lý cấp cao tại công ty. Từ 2008-02/2014, ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty. Từ 03/2014 đến nay, ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 557.053 cổ phần (chiếm 0,79% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác:

Ủy viên BCH Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa

Phó chủ tịch Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh Thanh Hóa

Ủy viên BCH Hiệp hội dệt may tỉnh Thanh Hóa

Chủ tịch HĐQT CTCP TDT Fashion Australia

HĐTV Công ty TNHH Victory Viet Nam
 Chủ tịch HĐQT CTCP Thành Công Tiên Sơn



ÔNG VÕ HỒNG KHANH
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
KHÔNG ĐIỀU HÀNH
(Sinh năm 1974)

- Trình độ chuyên môn:

Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm:

Từ 1998-2005, ông công tác tại Công ty Lilama Ninh Bình và Lilama 5

Từ 2006 - 2010, công tác tại Công ty Xi măng Thăng Long

Từ 2011 - 2013: Giám đốc kinh doanh CTCP Miza

Từ 2014 đến 2020: Giám đốc Công ty TNHH hợp nhất Đại Phúc

Từ 2020 đến 03/2023: Ông giữ chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH hợp nhất Đại Phúc và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ MITRANS
Tháng 04/2023 đến nay: Ông Là thành viên HĐQT độc lập của AAT.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 123 cổ phần (chiếm 0,00017% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác:

Giám đốc Công ty TNHH hợp nhất Đại Phúc



BÀ DƯƠNG THỊ DUNG
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
KHÔNG ĐIỀU HÀNH
(Sinh năm 1983)

- Trình độ chuyên môn:

Dược sỹ

- Kinh nghiệm:

Từ 2002- 2011: Kinh doanh tự do

Từ 2012 đến nay: Kinh doanh dược phẩm

Từ tháng 04/2023 đến nay: là thành viên HĐQT độc lập của AAT.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 123 cổ phần (chiếm 0,00017% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

b, Ban Tổng giám đốc

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Văn Hòa	Tổng Giám đốc	0	0,00%
2	Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	557.053	0,79%
3	Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc	618.825	0,87%
4	Trịnh Xuân Dưỡng	Phó Tổng Giám đốc	495.060	0,70%
5	Tổng Anh Linh	Giám đốc tài chính	390.250	0,61%
6	Trần Thị Hà	Phó giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	0	0,00%



ÔNG LÊ VĂN HÒA
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Sinh năm 1967)

- Trình độ chuyên môn:

Cử nhân xây dựng Đảng, chính quyền Nhà nước.

- Kinh nghiệm:

Ông Lê Văn Hòa là cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Từ 1991 – 2013: Là Đại đội phó chính trị - Trưởng ban cán bộ Lữ đoàn 368, Quân đoàn 1

Từ 2016-2021: Là Đại biểu HĐND phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa

Từ 01/2022 – 02/2023: Trưởng Phòng Tổ chức hành chính công ty.

Từ 05/2023 đến nay: Ông được bổ nhiệm là Tổng giám đốc của công ty.

- **Chứng khoán cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- **Chứng khoán đại diện sở hữu:** 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- **Chức vụ tại các tổ chức khác:** Không



ÔNG LÊ ĐĂNG THUYẾT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 (Sinh năm 1971)

- Trình độ chuyên môn:

Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm:

Ông gia nhập AAT từ những ngày đầu thành lập. Từ năm 2012 đến nay, ông Lê Đăng Thuyết được bổ nhiệm là Phó Tổng giám đốc. Ông là cán bộ cấp cao có nhiều kinh nghiệm trong công tác pháp chế của công ty.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 618.825 cổ phần (chiếm 1,77% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,87% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác:

Ủy viên UBMTTQ thị xã Bim Sơn Khóa VIII, IX, X

Ủy viên BCH Công đoàn Thị xã Bim Sơn Khóa VII, VIII, IX

(Vui lòng theo dõi thông tin tại mục
 Thành viên Hội đồng quản trị)



ÔNG TRỊNH VĂN DƯƠNG
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 (Sinh năm 1978)



ÔNG TRỊNH XUÂN DƯỠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Sinh năm 1982)

- Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư điện tự động hóa

- Kinh nghiệm:

Gia nhập AAT năm 2007 với vị trí Phó giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa, ông đã trải qua nhiều vị trí trong AAT. Từ năm 2017 đến nay, ông Trịnh Xuân Dưỡng được bổ nhiệm là Phó tổng giám đốc. Ông là cán bộ cấp cao có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành sản xuất của công ty.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 495.060 cổ phần (chiếm 0,70% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác:

Giám đốc CTCP may Tatsu

Chủ tịch HĐQT CTCP Hoàng Hải - TS



ÔNG TỐNG ANH LINH
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

(Sinh năm 1978)

- Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán

- Kinh nghiệm:

Gia nhập AAT từ những ngày đầu thành lập, ông là cán bộ cấp cao có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác tài chính – kế toán. Hiện đang giữ chức Giám đốc tài chính.

- Chứng khoán cá nhân sở hữu: 390.250 cổ phần (chiếm 0,61% Vốn điều lệ)

- Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không



BÀ TRẦN THỊ HÀ
PHÓ GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Sinh năm 1976)

- Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

- Kinh nghiệm:

Bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán.

Từ năm 1998 -2000: công tác tại Nhà máy cơ khí Duyên Hải – Hải Phòng

Từ năm 2001-2003: công tác tại Công ty TNHH SOTO Thanh Hóa

Từ năm 2004-2012: công tác tại CTCP Tân Thành

Từ 2013-2021: Kế toán trưởng tại Chi nhánh CTCP thương mại đầu tư BĐS An Phát

Từ 2022-04/2023: Phụ trách kế toán AAT

Từ 05/2023 đến nay: Phó giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng AAT.

- **Chứng khoán cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- **Chứng khoán đại diện sở hữu:** 0 cổ phần (chiếm 0,00% Vốn điều lệ)

- **Chức vụ tại các tổ chức khác:** Không

*** Những thay đổi trong ban điều hành năm 2024: Không có**

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	300	100%
1	Đại học và trên đại học	80	26,66%
2	Cao đẳng	95	31,67%
3	Sơ cấp	125	41,67%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	300	100%
1	Toàn thời gian	300	100,00%
2	Bán thời gian	0	0,00%
III	Theo giới tính	300	100%
1	Nam	60	20,00%
2	Nữ	240	80,00%

*** Chính sách đối với người lao động (NLĐ) và những thay đổi trong chính sách đối với NLĐ:**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật: luật doanh nghiệp, luật thuế, luật bảo vệ môi trường, luật PCCC, luật lao động, luật BHXH, BHYT...100% NLĐ trong công ty được phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến quan hệ lao động. Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

bằng nội quy, quy chế. Tổ chức hội nghị NLĐ hằng năm; Tổ chức đối thoại định kỳ để ban lãnh đạo Công ty lắng nghe những ý kiến đóng góp, tâm tư nguyện vọng của NLĐ để xây dựng các chế độ, quyền lợi phù hợp.

Công ty đã phối hợp với các đoàn thể trong Công ty tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến việc thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tác phong công nghiệp cho NLĐ. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng thỏa ước lao động tập thể trên cơ sở pháp luật và có lợi hơn cho NLĐ nhằm đưa công tác quản lý theo trật tự, kỷ cương, tạo nên sự thống nhất cao trong toàn công ty.

Xác định NLĐ là tài sản vô giá của doanh nghiệp, do đó Công ty đã có nhiều biện pháp để cải thiện môi trường lao động và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ. Công ty luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ, quyền lợi của NLĐ theo quy định của Nhà nước như: BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN, tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Tết, phép năm, môi trường làm việc an toàn...

Ngoài ra, công ty còn đảm bảo các chế độ phúc lợi của công ty cho NLĐ như: tiền chuyên cần, xăng xe cho NLĐ; Thưởng tiền lương tháng 13 cho 100% LĐ, tiền lương tháng 14 cho LĐ hoàn thành kế hoạch; Thưởng hoàn thành kế hoạch, thưởng xếp loại thi đua hàng tháng; Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, 5S,.....Tổ chức ăn ca miễn phí đảm bảo sức khỏe cho NLĐ, ở nhà tập thể miễn phí; Có Trạm y tế chăm sóc và tổ chức khám sức khỏe ban đầu; Duy trì tổ chức cho tất cả CB- CNLĐ được đi nghỉ mát hằng năm; Quan tâm động viên thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời NLĐ lúc ốm đau, hoạn nạn, hiếu, hỷ, gia đình gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Nâng lương cho cán bộ nghiệp vụ, thi nâng bậc cho công nhân, khen thưởng động viên kịp thời cho những lao động đạt thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất. Quan tâm đến chính sách lao động nữ, tạo điều kiện cho chị em nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đề bạt một số chị em có năng lực giữ các cương vị chủ chốt v.v...

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;

- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn được nguồn nhân lực chất lượng cao để góp phần xây dựng doanh nghiệp.

*** Chính sách cho LĐ nữ:**

- Bảo đảm quyền làm việc bình đẳng của lao động nữ về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương và các chế độ khác.

- Công ty tạo điều kiện để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt.

- Lao động nữ được quyền đưa ra ý kiến về các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ.

- Thường xuyên cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi về vật chất và tinh thần của lao động nữ nhằm giúp lao động nữ phát huy có hiệu quả năng lực nghề nghiệp, kết hợp hài hòa cuộc sống lao động và cuộc sống gia đình.

- Bảo đảm đủ buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc.

3, Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Có 4 công ty con
 - Công ty TNHH Victory Vietnam

STT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
		2024	2023	% So sánh 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản/nguồn vốn	297.782.507.201	226.869.635.078	131,25%
2	Doanh thu thuần	23.868.847.012	22.679.900.757	105,24%
3	Lợi nhuận thuần HĐKD	5.528.015.423	10.626.302.334	52,02%
4	Lợi nhuận khác	(201.581.635)	(7.182.577)	(2871,4%)
5	Lợi nhuận trước thuế	5.326.433.788	10.619.119.757	50,16%
6	Lợi nhuận sau thuế	4.220.830.703	8.493.859.290	49,69%

- Công ty Cổ phần Hoàng Hải-TS

STT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
		2024	2023	% So sánh 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	213.705.152.424	184.947.328.500	115,55%
2	Doanh thu thuần	-	-	
3	Lợi nhuận thuần HĐKD			
4	Lợi nhuận khác			
5	Lợi nhuận trước thuế	(907.922.915)	(761.397.549)	119,18%
6	Lợi nhuận sau thuế	(907.922.915)	(761.397.549)	119,18%

- Công ty Cổ phần Thành Công Tiên Sơn.

STT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
		2024	2023	% So sánh 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	14.206.602.305	-	-
2	Doanh thu thuần	213.181.818	-	-
3	Lợi nhuận thuần HĐKD	(1.786.232.992)	-	-

STT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
		2024	2023	% So sánh 2024/2023
4	Lợi nhuận khác	1.591.268.394	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	(194.964.598)	-	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(194.964.598)	-	-

- Công ty Cổ phần HT Việt Nga: Ngành nghề hoạt động chính là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, hiện tại Công ty đang hoàn thiện hồ sơ pháp lý để triển khai thực hiện dự án Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa tại huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

4, Tình hình tài chính Công ty mẹ.

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
		2023	2024	% So sánh 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	1.011.341.063.201	1.097.941.688.839	108,56
2	Doanh thu thuần	599.354.540.320	580.807.674.993	96,91
3	Lợi nhuận thuần HĐKD	6.509.244.551	(8.845.115.170)	-
4	Lợi nhuận khác	(6.840.205.948)	3.816.943.078	-
5	Lợi nhuận trước thuế	(330.961.397)	(5.028.172.092)	1.519,26
6	Lợi nhuận sau thuế	(2.466.576.299)	(8.363.575.732)	339,13
7	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	(0,35)	(1,19)	340
8	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	0		-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 của Công ty)

Lợi nhuận sau thuế Năm 2024 của Công ty mẹ giảm 5,89 tỷ so với năm 2023 do các nguyên nhân sau:

Lợi nhuận gộp, Lợi nhuận khác, doanh thu tài chính tăng: 19,56 tỷ

Chi phí tài chính giảm: 1.33 tỷ

Chi phí bán hàng tăng: 4,09 tỷ

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: 21,5 tỷ (do công ty trích lập dự phòng 1 số khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và giảm giá hàng tồn kho)

Thuế TNDN hiện hành tăng: 1,2 tỷ

* Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn, Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ theo quy định của nhà nước.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Chi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	2,05	1,33	
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,93	1,00	
- Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30,03	36,31	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu				
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	26,50	26,16	
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)				
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,59	0,55	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(0,41)	(1,44)	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(0,35)	(1,19)	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(0,24)	(0,76)	
- Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,09	(1,52)	

5, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2024: 70.819.103 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 70.819.103 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 0 cổ phần.

b, Cơ cấu cổ đông:

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/02/2024)

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa là 50%.

Stt		Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	1	8.331.465	83.314.650.000	11,76
	- Trong nước	1	8.331.465	83.314.650.000	11,76
	- Nước ngoài	0	0	0	0,000
2	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,000
3	Cổ đông khác ($\leq 5\%$)	5.001	62.487.638	624.876.380.000	88,24
	- Trong nước	4936	61.821.067	618.210.670.000	87,30
	- Nước ngoài	65	666.571	66.65.710.000	0,94
	TỔNG CỘNG	5.002	70.809.103	708.091.030.000	100
	Trong đó				
	- Trong nước	4937	70.819.103	708.191.030.000	99,06
	- Nước ngoài	65	666.571	66.65.710.000	0,94

- Danh sách cổ đông lớn:

STT	Họ tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trịnh Xuân Lâm	Phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8.331.465	11,76%

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty được thành lập từ năm 1995 với số vốn ban đầu là 550 triệu đồng. Công ty có 07 lần tăng vốn điều lệ dưới hình thức Công ty TNHH và 03 lần tăng vốn điều lệ dưới hình thức công ty cổ phần, tổng cộng gồm 10 lần tăng vốn, cụ thể như sau:

Thời điểm (ngày được Sở kế hoạch đầu tư cấp giấy ĐKKD mới)	Vốn điều lệ trước khi phát hành (đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích phát hành	Cơ quan cấp phép
Lần 1: Ngày 05/11/2003	550.000.000	5.800.000.000	Các thành viên góp vốn	Bổ sung vốn lưu động	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 2: Ngày 01/7/2004	5.800.000.000	10.800.000.0000	Các thành viên góp vốn	Bổ sung vốn lưu động	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 3: Ngày 29/7/2005	10.800.000.000	20.800.000.0000	Các thành viên góp vốn	Bổ sung vốn lưu động	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 4: Ngày 14/01/2008	20.800.000.000	36.000.000.0000	Các thành viên góp vốn	Bổ sung vốn lưu động	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 5: Ngày 30/03/2009	36.000.000.000	45.000.000.0000	Các thành viên góp vốn	Bổ sung vốn lưu động	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 6: Ngày 19/06/2012	45.000.000.000	50.000.000.0000	Các thành viên góp vốn	Bổ sung vốn lưu động	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 7: Ngày 10/03/2014	50.000.000.000	348.000.000.000	Các thành viên góp vốn	Bổ sung vốn lưu động	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa



Lần 8: Ngày 18/11/2021	348.000.000.000	388.014.890.000	Phát hành cổ phiếu	Trả cổ tức cho cổ đồng	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 9: Ngày 13/01/2022	388.014.890.000	638.014.890.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- Đầu tư mở rộng và xây dựng nhà máy - Trả nợ Nhà cung cấp - Trả nợ vay ngân hàng	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa
Lần 10: Ngày 09/08/2023	638.014.890.000	708.191.030.000	Phát hành cổ phiếu	Trả cổ tức cho cổ đồng	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa

c, Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

d, Các loại chứng khoán khác: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6, Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: chưa có báo cáo.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

+ Đối với khí thải từ máy phát điện: Với đặc thù doanh nghiệp sản xuất, Công ty được ưu tiên cung cấp điện. Công ty sử dụng máy phát điện hợp lý, đúng mục đích, chỉ sử dụng trong trường hợp đột xuất gặp sự cố điện, cúp điện. Lịch cúp điện được thông báo trước nên Công ty sắp xếp hiệu quả lịch sản xuất để tránh sử dụng máy phát điện nhiều, vừa tốn kém chi phí, vừa ảnh hưởng môi trường. Song song đó để tránh ô nhiễm cục bộ, Công ty lắp đặt ống khói cao tránh tích tụ khí thải đồng thời tăng cường khuếch tán khí. Do vậy, lượng khí thải phát sinh từ máy phát điện thực tế không đáng kể.

+ Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thiết bị điều hòa không khí: Để giảm thiểu nguồn khí này, Công ty xây dựng quy định giờ bật tắt điều hòa tại khối văn phòng, vừa dễ dàng điều tiết, sử dụng vừa tiết kiệm điện và giảm phát sinh khí thải, dần loại bỏ các máy lạnh đã quá hạn sử dụng, thay thế các máy lạnh đang sử dụng gas R22 bằng các máy lạnh sử dụng gas R410a và R32.

+ Bụi và khí thải từ máy móc công đoạn sản xuất:

Công ty rất coi trọng việc kiểm tra, bảo trì, sửa chữa và thay thế máy móc để ngăn ngừa thiết bị lỗi thời hoạt động kém hiệu quả, có thể dẫn đến ô nhiễm tiếng ồn và tăng lượng khí thải.

Ngoài ra, công ty đã giảm đáng kể việc sử dụng củi và than cho hoạt động lò hơi, phù hợp với các nỗ lực giảm thiểu tác động đến môi trường và thúc đẩy các hoạt động bền vững.

+ Hiệu quả năng lượng:

Triển khai thiết bị và quy trình tiết kiệm năng lượng tại các nhà máy và văn phòng.

Áp dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng như đèn LED.

+ Áp dụng năng lượng tái tạo:

Chuyển sang các nguồn năng lượng mặt trời để cung cấp năng lượng cho các hoạt động. Đầu tư vào hệ thống năng lượng tái tạo tại chỗ như tấm pin mặt trời.

+ Giảm thiểu và tái chế chất thải: Giảm thiểu phát sinh chất thải và thúc đẩy các chương trình tái chế. Tái sử dụng các sản phẩm phụ công nghiệp cho các mục đích sử dụng khác.

+ Chuỗi cung ứng bền vững: Khuyến khích các nhà cung cấp áp dụng các hoạt động thân thiện với môi trường; Giảm phát thải thông qua hậu cần và vận tải thông minh hơn.

+ Đổi mới xanh:

Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ ít carbon.

Sử dụng công nghệ để tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng và tài nguyên.

+ Sự tham gia của nhân viên và cộng đồng:

Nâng cao nhận thức của nhân viên về các sáng kiến bảo vệ môi trường; Hợp tác với cộng đồng địa phương trong các dự án phát triển bền vững.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Lượng nguyên liệu sử dụng trong năm 2024 là 7.177.032 mét và mex các loại.

- Lượng phụ liệu sử dụng trong năm 2024 là 35.535.682 cái/chiếc.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có nguyên vật liệu được tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a, Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: khoảng 2.100.000 Kw/năm

b, Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 10.000 Kw

c, Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: chưa có báo cáo.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: khoảng 7.500m³
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 15%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

Công ty đã thực hiện tốt, hệ thống nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung trước khi thải ra môi trường chung, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; Hệ thống lò hơi được trang bị công nghệ mới; Rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại được phân loại riêng biệt, lưu trữ và xử lý theo hợp đồng với các đơn vị có chuyên môn xử lý, Tất cả các nhà máy đều được đầu tư khuôn viên cây xanh, hồ vi khí hậu, hệ thống làm mát bằng hơi nước, hệ thống quạt thông gió, cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo sức khỏe cho NLĐ và môi trường xung quanh, từ khi thành lập đến nay công ty không vi phạm về Luật môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến NLĐ:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với NLĐ:
 - Số lượng lao động: công ty đang quản lý trực tiếp 300 lao động.
 - Mức lương trung bình: 8.600.000 đồng/LĐ/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLĐ:

***Chính sách sức khỏe và an toàn:**

- Nhà ở, cung cấp nước và vệ sinh
Công ty tư sẽ cung cấp và duy trì:

- ✓ Nhà ở đầy đủ và vệ sinh;
- ✓ Cung cấp đủ nước sạch; bố trí vệ sinh phù hợp và hợp lý

Điều này sẽ được cung cấp cho mọi nhân viên cư trú tại nơi làm việc và Công ty sẽ tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn về sức khỏe và vệ sinh theo quy định.

- Các lợi ích về nhà ở là giữ sạch sẽ

Khu vực nhà ở phải được giữ sạch sẽ trong khu riêng biệt và người sử dụng lao động phải đảm bảo rằng không gian đó được giữ trong điều kiện vệ sinh và sạch sẽ, tất cả các rác thải từ trong hoặc gần nhà ở phải được thu thập, phân loại cho công ty môi trường thị Bim Sơn đến hút bỏ mỗi ngày, và phải ghi rõ số lượng đầy đủ của nhân viên hàng ngày để thực hiện các nhiệm vụ này.

- Kiểm tra định kỳ nhà ở

Người sử dụng lao động sẽ phải đến thăm và kiểm tra tất cả nhà ở ít nhất một lần 1 tuần, một nhân viên được chỉ định báo cáo với người sử dụng lao động nếu nhà ở không được giữ sạch sẽ hoặc bất kỳ rác thải hoặc các chất loại bỏ nào được tích lũy trong khu nhà.

- Nhà ở riêng biệt được cung cấp cho mỗi người (theo quốc gia)

Nhà tuyển dụng sẽ cung cấp nhà ở riêng biệt cho nhân viên theo quốc gia của họ. Nó có nghĩa là trong một ký túc xá sẽ có nhân viên từ cùng một đất nước như những người khác.

- Chăm sóc y tế và điều trị:

Người sử dụng lao động phải cung cấp cho tất cả nhân viên sự chăm sóc y tế và điều trị bằng các loại thuốc có chất lượng tốt, thiết bị và đồ dùng sơ cứu để vận chuyển người lao động bị bệnh hoặc thương tật đến phòng y tế / bệnh viện.

Người sử dụng lao động phải đảm bảo rằng việc điều trị y tế được cung cấp cho nhân viên bị thương hoặc nghỉ bệnh càng sớm càng tốt và được vận chuyển đến phòng y tế / bệnh viện trong thời gian ngắn nhất có thể.

- An toàn sức khỏe chung tại nơi làm việc: Tất cả người lao động phải tuân thủ các tiêu chuẩn tuân thủ sau đây để đảm bảo an toàn cho người lao động và đạt được vệ sinh phù hợp và gọn gàng trong khu vực sản xuất.

- Lối đi trong khu vực sản xuất phải rõ ràng không có các vật cản;
- Tất cả các cửa thoát hiểm phải không bị khóa hoặc bị chặn;
- Không được phép ăn trong các xưởng sản xuất;
- Không được phép dùng thực phẩm trừ nước uống tại nơi làm việc;
- Tài sản cá nhân (ví dụ: túi) không được phép mang vào nơi làm việc;
- Khu vực làm việc phải luôn luôn được giữ sạch sẽ;
- Hàng may mặc phải được lưu trữ trong tủ / xe đẩy chứ không phải trên sàn và dán nhãn đúng cách;
- Người lao động phải luôn đeo thẻ nhân viên của họ một cách rõ ràng;
- Người lao động phải mặc quần áo phù hợp và giày an toàn, thoải mái;
- Không có người lao động nào được phép ngủ hoặc nằm trên quần áo sản phẩm hoặc bàn làm việc;
- Xe nâng chỉ có thể được vận hành bởi các lái xe được ủy quyền;
- Các công cụ và thiết bị bị lỗi phải được báo cáo và bàn giao cho người giám sát trực tiếp. Không cố gắng sửa chữa bất kỳ máy móc, thiết bị điện hoặc dây điện của mình.

*** Chính sách phúc lợi:**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật: luật doanh nghiệp, luật thuế, luật bảo vệ môi trường, luật PCCC, luật lao động, luật BHXH, BHYT...100% NLD trong công ty được phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến quan hệ lao động. Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ bằng nội quy, quy chế. Tổ chức hội nghị NLD hằng năm; Tổ chức đối thoại định kỳ để ban lãnh đạo Công ty lắng nghe những ý kiến đóng góp, tâm tư nguyện vọng của NLD để xây dựng các chế độ, quyền lợi phù hợp.

Xác định NLD là tài sản vô giá của doanh nghiệp, do đó Công ty đã có nhiều biện pháp để cải thiện môi trường lao động và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho NLD. Công ty luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ, quyền lợi của NLD theo quy định của Nhà nước như: BHXH,

BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN, tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Tết, phép năm, môi trường làm việc an toàn...

Ngoài ra, công ty còn đảm bảo các chế độ phúc lợi của công ty cho NLĐ như: tiền chuyên cần, xăng xe cho NLĐ; Thưởng tiền lương tháng 13 cho 100% LĐ, tiền lương tháng 14 cho LĐ hoàn thành kế hoạch; Thưởng hoàn thành kế hoạch, thưởng xếp loại thi đua hàng tháng; Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, 5S,.....Tổ chức ăn ca miễn phí đảm bảo sức khỏe cho NLĐ, ở nhà tập thể miễn phí; Có Trạm y tế chăm sóc và tổ chức khám sức khỏe ban đầu; Duy trì tổ chức cho tất cả CB- CNLĐ được đi nghỉ mát hằng năm; Quan tâm động viên thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời NLĐ lúc ốm đau, hoạn nạn, hiếu, hỷ, gia đình gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Nâng lương cho cán bộ nghiệp vụ, thi nâng bậc cho công nhân, khen thưởng động viên kịp thời cho những lao động đạt thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất. Quan tâm đến chính sách lao động nữ, tạo điều kiện cho chị em nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đề bạt một số chị em có năng lực giữ các cương vị chủ chốt v.v...

- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn được nguồn nhân lực chất lượng cao để góp phần xây dựng doanh nghiệp.

c) Hoạt động đào tạo NLĐ

Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;

Hạng mục	Loại hình đào tạo	Nhân viên tham gia
Đào tạo chung	Đào tạo về Nội quy lao động, TULĐTT, Quy chế, Quy trình chính sách về TNXH, Nhân quyền, An toàn vệ sinh lao động, PCCC, An ninh theo C-TPAP.	Toàn thể nhân viên công ty và nhân viên mới tuyển dụng
	Đào tạo nâng cao nhận thức về chất lượng, môi trường (chính sách, mục tiêu, chỉ số, yêu cầu quy trình, khả năng sẵn sàng và ứng phó khẩn cấp, ...) Kiến thức cơ bản về ISO 9001:2015, ISO 14001:2015	Toàn thể nhân viên công ty và nhân viên mới tuyển dụng
	Đào tạo an toàn và sức khỏe môi trường và nghề nghiệp, các quy trình chính sách của Công ty cho các bên liên quan	Công nhân bên ngoài vào cơ sở của công ty để làm việc, công nhân tạm thời, nhà cung cấp và nhà thầu có mối quan hệ kinh doanh chặt chẽ

	Quản lý chất lượng, môi trường Kiến thức cơ bản và sổ tay quản lý, tài liệu quy trình và hướng dẫn công việc	Giám đốc điều hành công ty, các giám đốc bộ phận khác nhau và các nhân viên chức năng liên quan
Đào tạo chuyên biệt	Đào tạo đánh giá viên nội bộ	Đánh giá viên nội bộ công ty
	Đào tạo kỹ năng đặc biệt cho nhân viên đủ điều kiện theo luật và quy định liên quan	Nhân viên quản lý hóa chất; Nhân viên vận hành xe nâng, cầu trục.
	Đào tạo kỹ năng công việc	Nhân viên thao tác ở các vị trí quan trọng

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Cùng với việc phát triển, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, trong những năm qua Công ty đã trích một phần kinh phí từ lợi nhuận, quan tâm đến công tác hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo:

- Nhận phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ liệt sỹ từ năm 1996 tại thị xã Bỉm Sơn
 - Phụng dưỡng suốt đời 4 Mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Như Thanh
 - Đã xây tặng được tổng số 40 ngôi nhà tình nghĩa
 - Tặng hàng trăm sổ tiết kiệm cho người nghèo, gia đình chính sách
 - Tặng hàng nghìn suất quà cho các hộ nghèo, tặng quà cho các Cựu cao niên nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm
 - Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo học giỏi, giải thưởng cho học sinh đoạt huy chương trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế
 - Tài trợ khám và cấp thuốc chữa bệnh cho người nghèo tại quê nhà của Chủ tịch HĐQT Trịnh Xuân Lâm
 - Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt.
 - Tài trợ “Quỹ khuyến học Trịnh Lâm” cho xã Hà Vinh, huyện Hà Trung và Thị xã Bỉm Sơn: 2 tỷ đồng.
 - Ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19: 2,5 tỷ đồng
 - Tài trợ 172 chiếc giường cho bộ đội Trường Sa giá trị 1 tỷ đồng
- Tổng số tiền đóng góp xã hội, từ thiện nhân đạo từ khi thành lập đến nay là hơn 30 tỷ đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
công ty chưa tiếp cận thị trường vốn xanh.

III, Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1, Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện 2024 (VNĐ)	Thực hiện/ kế hoạch
1	Doanh thu	500.000.000.000	580.807.674.993	116,16%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.000.000.000	(8.363.575.732)	-
3	LNST/Vốn Chủ sở hữu	1,40%	(1,19%)	-

Năm 2024, nền kinh tế vẫn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố địa chính trị. Tuy nhiên ngành dệt may đã dần ổn định, các đơn hàng tăng cả số lượng và đơn giá khi dòng vốn FDI có sự dịch chuyển sang các nước Đông Nam Á. Mặt khác, Công ty cũng đã nắm bắt cơ hội đón đầu xu hướng đối với lĩnh vực hoạt động cho thuê nhà xưởng. Doanh thu đạt 116,16% so với kế hoạch. Tuy nhiên, LNST không đạt so với kế hoạch đề ra (8,363 tỷ). Nguyên nhân chủ yếu do chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng so với 2023 (công ty trích lập dự phòng 1 số khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và giảm giá hàng tồn kho)

Các khoản trích lập dự phòng trên sẽ được Ban giám đốc, bộ phận tài chính kế toán phối hợp xử lý thu hồi và khắc phục trong 6 tháng đầu năm 2025.

2. Tình hình tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
I	Tài sản ngắn hạn	338.201.142.715
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11.510.430.120
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.588.010.013
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	278.576.713.658
4	Hàng tồn kho	13.269.530.449
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.256.458.475
II	Tài sản dài hạn	996.066.530.330
1	Tài sản cố định	78.822.927.681
2	Bất động sản đầu tư	510.842.724.420
3	Tài sản dài hạn dở dang	166.738.988.321
4	Đầu tư tài chính dài hạn	
5	Các khoản phải thu dài hạn	97.154.164.742

6	Tài sản dài hạn khác	142.507.725.166
III	Nợ phải trả	608.875.691.459
1	Nợ ngắn hạn	200.201.307.045
2	Nợ dài hạn	408.674.384.414
IV	Vốn chủ sở hữu	725.391.981.586
Tổng cộng Tài sản/Nguồn vốn		1.334.267.673.045

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của Công ty)

3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong công tác quản trị sản xuất kinh doanh, con người luôn là yếu tố trung tâm đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa. Để phát huy tốt nhất hiệu quả hoạt động của từng cán bộ công nhân viên. Công ty đã đưa ra một số cải tiến nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động tinh gọn nhưng hiệu quả. Hệ thống cấp bậc nhân sự để chuẩn hóa các vị trí nhân sự trên quy mô toàn Công ty đã từng bước đi vào nề nếp và từng bước áp dụng trong các tính và chi trả lương xứng đáng để tạo động lực cho NLD. Công ty đã chuẩn hóa, áp dụng thống nhất trong thực tế Quy chế tiền lương, quy hoạch nguồn cán bộ và các phụ lục quy định về hệ thống cấp bậc nhân sự; Quy chế Quản lý tài sản.

- Thiết lập hệ thống các quy trình quản lý về nhân sự, các chính sách về nhân sự;
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong quản lý chất lượng và ISO14001:2015 - Hệ thống Quản lý Môi Trường;
- Tạo cơ hội thay thế công việc lặp đi lặp lại không cần kỹ năng, kinh nghiệm, công việc độc hại, dễ gây tai nạn, bằng máy móc công nghệ mới;
- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho NLD;
- Tạo nhu cầu để đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng cho NLD;
- Dự kiến áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất và quản lý nhân sự.

4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh khả thi và đặt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận cụ thể, chi tiết cho từng phòng, ban và bộ phận theo từng tháng, quý, 6 tháng và năm, đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện Kế hoạch tối ưu và linh hoạt.
- Xây dựng Kế hoạch Doanh thu dựa theo 4 mảng kinh doanh chiến lược như sau:
- + Tiếp tục khai thác mảng may gia công và khách hàng truyền thống với các đơn hàng đã ký, cải tạo cơ sở vật chất nhà xưởng, môi trường lao động, áp dụng xu hướng xanh vào sản xuất, tuân thủ các tiêu chuẩn để đáp ứng các tiêu chí về phát triển bền vững ngành dệt may như: tiêu

chuẩn WRAP, SEDEX-SMECTA, WCA, BSCI...nhằm tiếp cận khách hàng mới, khách hàng tiềm năng;

+ Chuyển một phần sản xuất may gia công sang sản xuất hàng FOB để tăng doanh thu và lợi nhuận.

+ Đầu tư thêm nhà máy, CCN, gia tăng mảng bất động sản công nghiệp

+ Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Đa dạng hóa thị trường để giảm tối đa tác động của hàng rào thuế quan

- Định hướng chiến lược đầu tư phát triển, mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh một cách khoa học, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Đối với ý kiến ngoại trừ tại BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2024.

a) Tại ngày 31/12/2024, tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận số dư tạm ứng cho một số cá nhân để thực hiện hoạt động kinh doanh, số dư 52.114.951.066 đồng. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

b) Tại ngày 31/12/2024, trên khoản mục “phải thu ngắn hạn khác” của Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần HT Việt Nga (là Công ty con của Công ty), bao gồm khoản tạm ứng cho cá nhân, với số tiền 36.415.324.000 đồng để thực hiện hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng này nên chúng tôi không đánh giá được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty này hay không.

Ý kiến giải trình: Năm 2024 làn sóng chuyển dịch địa điểm đầu tư sang các quốc gia Đông Nam Á, trong đó Việt Nam, là mối quan tâm hàng đầu nhờ tình hình kinh tế - chính trị ổn định và cơ chế đầu tư thông thoáng. Nắm bắt cơ hội này, lãnh đạo Công ty đã lập kế hoạch, tập trung mọi nguồn lực tài chính và nhân lực để mở rộng quỹ đất đón đầu làn sóng chuyển dịch đầu tư.

Vì vậy, trên cơ sở quy định của pháp luật và quy chế quản trị nội bộ, doanh nghiệp và các đơn vị thành viên đã tạm ứng cho cán bộ, nhân viên thực hiện các công tác đón đầu, chuẩn bị cho việc xin cấp phép hoàn thiện hồ sơ dự án; Khoản tạm ứng sẽ được thu hồi theo đúng quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

c) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng suy giảm giá trị khoản đầu tư vào công ty con – Công ty TNHH Victory Việt Nam (Victory) theo các ý kiến kiểm toán

ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2024 của Victory, trong đó bao gồm vấn đề về ngoại trừ số dư khoản “Phải thu về cho vay dài hạn” với giá trị 95.000.000.000 đồng, không lãi suất, không có tài sản đảm bảo, không đánh giá được khả năng thu hồi.

Ý kiến giải trình: Khoản đầu tư dài hạn của Công ty vào công ty con - Công ty TNHH Victory Việt Nam là 108,1 tỷ đồng. Hiện tại các công ty này đang hoạt động có hiệu quả, lợi nhuận hàng năm luôn dương, nhà xưởng đang được cho thuê 960.000 USD/năm, thời gian thuê nhà xưởng là 15 năm kể từ năm 2022. Ngoài ra, tại công ty con đang có khoản cho các đối tác cá nhân vay không lãi suất, không tài sản đảm bảo, thời hạn vay 24 tháng. Công ty nhận thấy chưa có đủ cơ sở để đánh giá khoản đầu tư này có khả năng giảm giá so với giá trị đầu tư ban đầu nên công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng suy giảm cho khoản đầu tư này;

d) Trong 9 tháng đầu năm 2024, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng hóa là nông sản giao ngay là 281.844.029.725 đồng, giá vốn tương ứng là 279.311.791.183 đồng, lợi nhuận gộp là 2.532.238.542 đồng. Toàn bộ giá trị hàng bán trong kỳ đã được thanh toán, không còn công nợ tại ngày 31/12/2024 nên không còn rủi ro về các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch này. Tuy nhiên, hồ sơ giao dịch chỉ bao gồm hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa, hóa đơn theo quy định hiện hành, các hoạt động này không phát sinh chi phí vận chuyển do trên hợp đồng quy định Công ty Tiên Sơn chỉ định bên bán giao hàng trực tiếp cho bên mua hoặc bên mua đến trực tiếp kho hàng đối tác của bên bán nhận hàng, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng cần thiết liên quan đến địa điểm giao hàng, việc giao hàng đúng địa điểm. Công ty đã có biên bản xác nhận nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán theo Hợp đồng nhưng chưa có hồ sơ thể hiện địa điểm giao hàng hóa cụ thể và chất lượng hàng hóa đã được kiểm định. Do đó chúng tôi không đánh giá được rõ ràng các giao dịch mua bán hàng hóa này có hiện hữu hay không.

Ý kiến giải trình: Hoạt động kinh doanh hàng hóa Nông sản, mặt hàng là cafe có đặc thù riêng, giá biến động liên tục theo phiên trong ngày. Để bảo toàn vốn công ty đã thực hiện theo phương thức bán hàng giao ngay trên hợp đồng: Công ty Tiên Sơn chỉ định bên bán giao hàng trực tiếp cho bên mua hoặc bên mua đến trực tiếp kho hàng đối tác của bên bán nhận hàng và không còn rủi ro về các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch này. Tuy nhiên, do bộ phận kinh doanh còn hạn chế về chuyên môn, chủ quan về mặt hồ sơ nên dẫn đến việc cập nhật bổ sung một số tài liệu còn thiếu sót. Công ty khẳng định hoạt động mua bán được thực hiện đúng theo quy định và đã được khắc phục từ quý 4 năm 2024.

Ý kiến ngoại trừ tại BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024.

a) Tại ngày 31/12/2024, tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận số dư tạm ứng cho một số cá nhân để thực hiện hoạt động kinh doanh, số dư 88.530.275.066 đồng. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng này, vì vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến giải trình: (Xem chi tiết giải trình tại mục 1.1 và 1.2 phần Báo cáo tài chính riêng 2024)

b) Tại ngày 31/12/2024, trên khoản mục “Phải thu về cho vay dài hạn” đang ghi nhận số dư cho các cá nhân vay với số tiền 95 tỷ đồng, phát sinh tại Công ty TNHH Victory Việt Nam

(là Công ty con của Công ty), không lãi suất trong thời hạn 24 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi cũng như tính hợp lý của giao dịch và số dư khoản phải thu về cho vay này, vì vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến giải trình: Công ty TNHH Victory Việt Nam - là Công ty con của Công ty đang có khoản cho các đối tác cá nhân vay, số tiền 95 tỷ đồng như đã nêu trên. Công ty vẫn đang làm việc với các đối tác này nên không có cơ sở đánh giá tổn thất và trích lập dự phòng. Thời gian tới, Công ty sẽ làm việc lại với các đối tác như bổ sung TSDB hoặc thu hồi khoản cho vay, để đảm bảo bảo toàn vốn cho Công ty.

c) Trong 9 tháng đầu năm 2024, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng hóa là nông sản giao ngay là 281.844.029.725 đồng, giá vốn tương ứng là 279.311.791.183 đồng, lợi nhuận gộp là 2.532.238.542 đồng. Toàn bộ giá trị hàng bán trong kỳ đã được thanh toán, không còn công nợ tại ngày 31/12/2024 nên không còn rủi ro về các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch này. Tuy nhiên, hồ sơ giao dịch chỉ bao gồm hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa, hóa đơn theo quy định hiện hành, các hoạt động này không phát sinh chi phí vận chuyển, do trên hợp đồng quy định Công ty Tiên Sơn chỉ định bên bán giao hàng trực tiếp cho bên mua hoặc bên mua đến trực tiếp kho hàng đối tác của bên bán nhận hàng, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng cần thiết liên quan đến địa điểm giao hàng, việc giao hàng đúng địa điểm. Công ty đã có biên bản xác nhận nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán theo Hợp đồng nhưng chưa có hồ sơ thể hiện địa điểm giao hàng hóa cụ thể và chất lượng hàng hóa đã được kiểm định. Do đó, chúng tôi không đánh giá được rõ ràng các giao dịch mua bán hàng hóa này có hiện hữu hay không.

Ý kiến giải trình: (Xem chi tiết giải trình tại mục 1.4 phần Báo cáo tài chính riêng 2024).

6, Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường.

Công ty làm việc với nguyên tắc quản lý thân thiện với môi trường

- + Công ty luôn tuân thủ các tiêu chuẩn mang tính toàn cầu, các luật liên quan, các quy định nội bộ khác liên quan đến việc gìn giữ và bảo tồn môi trường.

- + Công ty luôn nỗ lực bảo vệ môi trường trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh, bao gồm phát triển sản phẩm, sản xuất và bán hàng.

- + Luôn cố gắng thực hiện các hoạt động vì mục đích sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, ví dụ như tái chế.

- + Luôn quan tâm và hết sức nỗ lực cho công cuộc sản xuất bền vững phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, chăm sóc cảnh quan và ứng dụng công nghệ mới trong quá trình quản lý môi trường.

- + Thực hiện phân loại rác thải, giảm thiểu rác thải, giảm thiểu các loại chất thải ngay từ nguồn thải, thu gom lưu giữ chất thải theo quy định của địa phương, luật Môi trường Việt Nam và chỉ chuyển giao cho các công ty, đơn vị thu gom vận chuyển có đủ chức năng được pháp luật cho phép.

+ Hợp tác chặt chẽ giữa các phòng ban trong công ty, chi nhánh, cơ sở trực thuộc trong các hoạt động bảo vệ môi trường, đồng thời đào tạo và phổ biến kiến thức môi trường cho tất cả CBCNV trong toàn công ty.

+ Thường xuyên xem xét các mục tiêu môi trường đã đặt ra và tình hình thực hiện các mục tiêu đó đồng thời đặt ra các mục tiêu môi trường khác cao hơn để tiếp tục cải thiện.

b. Đánh giá liên quan đến NLD:

Xác định NLD là tài sản vô giá của doanh nghiệp, do đó Ban giám đốc đã cùng Công đoàn có nhiều biện pháp để cải thiện môi trường lao động và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho NLD như:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật: luật doanh nghiệp, luật thuế, luật bảo vệ môi trường, luật PCCC, luật lao động, luật BHXH, BHYT... 100% NLD trong công ty được phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến quan hệ lao động. Xây dựng mối quan hệ LD hài hòa, ổn định và tiến bộ bằng nội quy, quy chế. Tổ chức hội nghị NLD hằng năm; Tổ chức đối thoại định kỳ để ban lãnh đạo Công ty lắng nghe những ý kiến đóng góp, tâm tư nguyện vọng của NLD để xây dựng các chế độ, quyền lợi phù hợp.

Công ty đã phối hợp với các đoàn thể trong Công ty tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến việc thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tác phong công nghiệp cho NLD. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng thỏa ước lao động tập thể trên cơ sở pháp luật và có lợi hơn cho NLD nhằm đưa công tác quản lý theo trật tự, kỷ cương, tạo nên sự thống nhất cao trong toàn công ty.

Ngoài ra, công ty còn đảm bảo các chế độ phúc lợi của công ty cho NLD như: tiền chuyên cần, xăng xe cho NLD; Thưởng tiền lương tháng 13 cho 100% LD, tiền lương tháng 14 cho LD hoàn thành kế hoạch; Thưởng hoàn thành kế hoạch, thưởng xếp loại thi đua hàng tháng; Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, 5S,.....Tổ chức ăn ca miễn phí đảm bảo sức khỏe cho NLD, ở nhà tập thể miễn phí; Có Trạm y tế chăm sóc và tổ chức khám sức khỏe ban đầu; Duy trì tổ chức cho tất cả CB- CNLD được đi nghỉ mát hằng năm; Quan tâm động viên thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời NLD lúc ốm đau, hoạn nạn, hiếu, hỷ, gia đình gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Nâng lương cho cán bộ nghiệp vụ, thi nâng bậc cho công nhân, khen thưởng động viên kịp thời cho những lao động đạt thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất. Quan tâm đến chính sách lao động nữ, tạo điều kiện cho chị em nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đề bạt một số chị em có năng lực giữ các cương vị chủ chốt v.v...

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;

- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn được nguồn nhân lực chất lượng cao để góp phần xây dựng doanh nghiệp.

Công tác chăm lo cho lao động nữ cũng được công đoàn, công ty đặc biệt quan tâm: đã tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức chính trị, kiến thức pháp luật cho lao động nữ. Tổ chức các lớp tập huấn chính sách pháp luật có liên quan đến lao động nữ và trẻ em, kiến thức về giới, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống tệ nạn xã hội, kỹ năng sống và

tự bảo vệ bản thân, phòng chống bạo lực gia đình; Triển khai thực hiện phong trào phụ nữ hai giỏi, tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày 8/3, 20/10, ...; Tập trung chăm lo, giúp đỡ kịp thời cho công nhân lao động nữ có hoàn cảnh khó khăn, đau ốm, bệnh tật, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, giám sát công tác thực hiện các chế độ đối với lao động nữ. Quan tâm đến chính sách lao động nữ, tạo điều kiện cho chị em nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đề bạt một số chị em có năng lực giữ các cương vị chủ chốt v.v...

c. Trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Trong những năm qua Công ty đã trích một phần kinh phí từ lợi nhuận, quan tâm đến công tác hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo:

- Nhận phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ liệt sỹ từ năm 1996 tại thị xã Bim Sơn
- Phụng dưỡng suốt đời 4 Mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Như Thanh
- Đã xây tặng được tổng số 40 ngôi nhà tình nghĩa
- Tặng hàng trăm sổ tiết kiệm cho người nghèo, gia đình chính sách
- Tặng hàng nghìn xuất quà cho các hộ nghèo, tặng quà cho các Cựu cao niên nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm
- Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo học giỏi, giải thưởng cho học sinh đoạt huy chương trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế
- Tài trợ khám và cấp thuốc chữa bệnh cho người nghèo tại quê nhà của Chủ tịch HĐQT Trịnh Xuân Lâm
- Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt.
- Tài trợ “Quỹ khuyến học Trịnh Lâm” cho xã Hà Vinh, huyện Hà Trung và Thị xã Bim Sơn: 2 tỷ đồng.
- Ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19: 2,5 tỷ đồng
- Tài trợ 172 chiếc giường cho bộ đội Trường Sa giá trị 1 tỷ đồng

Tổng số tiền đóng góp xã hội, từ thiện nhân đạo từ khi thành lập đến nay là hơn 30 tỷ đồng.

Có thể nói, những hoạt động xã hội từ thiện của Công ty trong năm qua không chỉ giúp đỡ về vật chất và động viên tinh thần cho các đối tượng chính sách, khó khăn mà còn có tác dụng sâu sắc trong việc giáo dục cho NLD về tình cảm, mối quan hệ xã hội tốt đẹp đối với nhân dân, đồng nghiệp. Qua đó, kết tinh những tấm lòng nhân ái của mái nhà chung Tiên Sơn hướng về cộng đồng, trên tinh thần đoàn kết, trách nhiệm xã hội và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc. Đây là việc làm thể hiện tính nhân văn, tạo được sức lan tỏa, từ đó thu hút được nhiều doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong tỉnh cùng hưởng ứng tích cực. Với kết quả đó Công ty đã nhiều lần được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, UBMTQ tỉnh, UBMTTQ Việt Nam, Hội khuyến học tỉnh, Hội khuyến học Việt Nam tặng bằng khen “Đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, góp phần xây dựng xã hội học tập tại một số địa phương của đất nước”.

IV, Đánh giá của Hội đồng quản trị

1, Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện 2024 (VNĐ)	Thực hiện/ kế hoạch
1	Doanh thu	500.000.000.000	580.807.674.993	116,16%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.000.000.000	(8.363.575.732)	-
3	LNST/Vốn Chủ sở hữu	1,40%	(1,19%)	-

Năm 2024, nền kinh tế vẫn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố địa chính trị. Tuy nhiên ngành dệt may đã dần ổn định, các đơn hàng tăng cả số lượng và đơn giá khi dòng vốn FDI có sự dịch chuyển sang các nước Đông Nam á. Mặt khác Công ty cũng đã nắm bắt cơ hội đón đầu xu hướng đối với lĩnh vực hoạt động cho thuê nhà xưởng. Doanh thu năm 2024 đạt 116,16% so với kế hoạch. Tuy nhiên, LNST không đạt so với kế hoạch đề ra (8,363 tỷ). Nguyên nhân chủ yếu do chi phí bán hàng tăng so với 2023 và chi phí quản lý tăng (do yếu tố thận trọng đơn vị kiểm toán đề xuất công ty trích lập dự phòng 1 số khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và giảm giá hàng tồn kho)

Các khoản trích lập dự phòng trên sẽ được Ban giám đốc, bộ phận tài chính kế toán phối hợp xử lý thu hồi và khắc phục trong 6 tháng đầu năm 2025.

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2024, Hội đồng quản trị đương nhiệm đã tích cực thể hiện vai trò, nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban điều hành về triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo phù hợp trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi Hội đồng quản trị và qua quá trình theo dõi, giám sát thực tế tại Công ty.
- Trực tiếp góp ý, chỉ đạo ban điều hành trong một số vấn đề, nội dung quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

Ban điều hành Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu NLD tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường và không bị các khoản phạt hay bồi thường nào về các vấn đề liên quan đến môi trường. Các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội mà các Nhà máy may Tiên Sơn đạt được cụ thể như sau:

- + Nhà máy may xuất khẩu Yên Định: đạt chứng chỉ Smeta,

+ Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà: đạt chứng chỉ Wrap, Higg Index, GRS, ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015.

- Công ty đã xây dựng một hệ thống quản lý an toàn- sức khỏe và môi trường tuân thủ các yêu cầu quy định của pháp luật Việt Nam đồng thời đáp ứng tối đa các tiêu chuẩn mang tính toàn cầu.

- Luôn quan tâm và hết sức nỗ lực cho công cuộc sản xuất bền vững phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, chăm sóc cảnh quan và ứng dụng công nghệ mới trong quá trình quản lý môi trường.

- Luôn ưu tiên việc chăm sóc và tiêu chuẩn hóa môi trường làm việc của công nhân viên, đó chính là chiến lược phát triển bền vững và đẩy mạnh phát triển chuỗi cung ứng của công ty.

- Công ty luôn thực hiện thường xuyên những hoạt động xã hội từ thiện, không chỉ giúp đỡ về vật chất và động viên tinh thần cho các đối tượng chính sách, khó khăn mà còn có tác dụng sâu sắc trong việc giáo dục cho NLD về tình cảm, mối quan hệ xã hội tốt đẹp đối với nhân dân, đồng nghiệp.

2, Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HDQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện mục tiêu của Công ty năm 2024. Tuy kết quả chưa đạt được so với kế hoạch đề ra nhưng đó là sự cố gắng không biết mệt mỏi của Ban điều hành, với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các ngành sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. HDQT tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới trong nước, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, phức tạp.

3, Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	VNĐ	600.000.000.000	800.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	35.000.000.000	30.000.000.000
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%	-	-

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 cũng như trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra một số định hướng sau:

1. Tập trung vào nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên sâu với 3 lĩnh vực chính:

- Thứ nhất là: lĩnh vực quản trị tổ chức, nhân sự, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Thứ hai là: lĩnh vực quản trị kế hoạch, định hướng, đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

- Thứ ba là: lĩnh vực quản trị tài chính.

2. Tập trung vào việc nâng cao năng lực quản trị, tổ chức quản lý chất lượng, chú trọng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa cao, đáp ứng với thời kỳ công nghệ 4.0, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, sản xuất xanh, sạch, thân thiện môi trường, có trách nhiệm xã hội, khẳng định uy tín – thương hiệu đưa AAT lên tầm cao mới, nằm trong TOP đầu của tỉnh Thanh Hoá và khu vực Bắc Trung Bộ.

- Áp dụng chuyển đổi số vào quản lý và sản xuất.

3. Phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh cho ngành may xuất khẩu để chủ động trước các biến động của thị trường thế giới. Chú trọng công tác thiết kế thời trang, tạo ra các sản phẩm dệt may có tính khác biệt cao, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm.

4. Tập trung và chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế, lo đủ việc làm cho NLĐ trong chiến lược đa dạng hóa thị trường, mặt hàng, khách hàng. Lựa chọn được nguồn khách hàng truyền thống, lâu dài và phù hợp với điều kiện của Công ty. Điều đó đòi hỏi bên cạnh những nỗ lực cải tiến để duy trì đáp ứng và tìm hiểu được những yêu cầu của khách hàng truyền thống, nghiên cứu tìm hiểu và đánh giá đúng những lợi thế mà chính Công ty mang lại cho khách hàng.

5. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

7. Định hướng chiến lược đầu tư phát triển, mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh một cách khoa học, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Chuyển đổi mô hình sản xuất từ SX gia công đơn thuần sang sản xuất hàng FOB mang lại giá trị cao tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Phát triển mạnh lĩnh vực kinh doanh bất động sản công nghiệp. Xây dựng kinh doanh Cụm công nghiệp

- Phát triển chuỗi kinh doanh thương mại, cung ứng NPL cho ngành may

- Kinh doanh đại lý mua bán xe ô tô

- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp

8. Quyết liệt rà soát, kiểm soát chặt các chi phí, cắt giảm chi phí không cần thiết. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, coi chất lượng sản phẩm, dịch vụ là yếu tố sống còn của doanh nghiệp.

V, Quản trị công ty

1, Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên trong đó có 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm từ 2023 – 2028, cụ thể như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chức vụ nắm giữ tại các công ty khác
1	Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT Đại diện pháp luật	8.331.465	11,76	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May Tatsu - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Lam Ngọc - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Lộc
2	Trịnh Xuân Lượng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT – Điều hành	1.256.853	1,77	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Lương Phát - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần May Tatsu
3	Trịnh Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD – Điều hành	557.053	0,79	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TDT Fashion Australia - HĐQT Công ty TNHH Victory Viet Nam - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thành Công Tiên Sơn - Thành viên HĐQT Công ty CP sản xuất và thương mại Phú Lộc
4	Võ Hồng Khanh	Thành viên HĐQT độc lập – Không điều hành	123	0,00017	- Giám đốc Công ty TNHH Hợp nhất Đại Phúc
5	Dương Thị Dung	Thành viên HĐQT độc lập – Không điều hành	123	0,00017	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động định hướng, giám sát, chỉ đạo thông qua các cuộc họp và ban hành các nghị quyết quan trọng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 22 cuộc họp với các thành viên tham dự đầy đủ, nội dung biểu quyết đều có tính thống nhất cao.

Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	22/22	-
2	Ông Trịnh Xuân Lượng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	22/22	-

3	Ông Trịnh Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	22/22	-
4	Ông Võ Hồng Khanh	Thành viên HĐQT độc lập	22/22	-
5	Bà Dương Thị Dung	Thành viên HĐQT độc lập	22/22	-

Nội dung chi tiết các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành được nêu tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024. Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 đã được công ty công bố thông tin trên website của công ty (<https://tiensonaus.com/>), báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đúng thời hạn theo quy định.

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2024, hội đồng quản trị đương nhiệm đã tích cực thể hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban điều hành về triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông hoặc về việc chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị xem xét.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo phù hợp trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi Hội đồng quản trị và qua quá trình theo dõi, giám sát thực tế tại Công ty.
- Trực tiếp góp ý, chỉ đạo ban điều hành trong một số vấn đề, nội dung quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

d) Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị không ty: Không có

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng Ban	123	0,00017
2	Bà Đặng Thị Minh Thực	Thành viên	0	0,00
3	Bà Phạm Thị Minh Trang	Thành viên	0	0,00

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, BKS tiến hành 4 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Bộ Lễ	4	4/4	100%	-
2	Bà Đặng Thị Minh Thục	4	4/4	100%	-
3	Bà Phạm Thị Minh Trang	4	4/4	100%	-

Ban kiểm soát đã tiến hành các cuộc họp định kỳ trong năm 2024 để đánh giá các chỉ tiêu tại Báo cáo tài chính, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên kiểm soát trên các mặt hoạt động của Công ty, thực hiện giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, cụ thể:

- HĐQT, Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và các Cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua.

- Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành 22 cuộc họp. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên tham dự bảo đảm theo đúng quy định. Số phiên họp của HĐQT bảo đảm đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

- Các nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ theo Luật doanh nghiệp cũng như các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- HĐQT, Ban TGD đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về CBTT định kỳ, bất thường theo Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định về công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

- Ban điều hành thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước, chính sách nhân sự luôn được quan tâm, bảo đảm việc làm, ổn định thu nhập cho NLĐ.

- Trong năm 2024, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và vấn đề pháp lý của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2024:

Chi tiết thu nhập của các Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt, kính mời Quý nhà đầu tư, Quý cổ đông xem chi tiết tại thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Công ty được đăng tải tại địa chỉ: <https://tiensonaus.com/>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Các giao dịch:

- Giao dịch giữa công ty với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ, giao dịch giữa công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ: Chi tiết đã được nêu tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 tại địa chỉ: <https://tiensonaus.com/>

d) Đánh giá tình hình thực hiện quy định về quản trị công ty

- Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Công ty luôn nỗ lực trong công tác quản trị doanh nghiệp, đó là động lực để Công ty tiếp tục duy trì và phát huy thành quả cho chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, trong năm 2024, công tác quản trị công ty vẫn còn thiếu sót và đã có phương án khắc phục, cụ thể như sau:

- Về việc chậm công bố thông tin Báo cáo thường niên 2023, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023: Báo cáo thường niên năm 2023 đã được công bố thông tin vào ngày 26/04/2024, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được công bố thông tin vào ngày 31/05/2023 trên trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ: <https://tiensonaus.com/> và báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về việc vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông (Công ty cho ông Trịnh Xuân Dưỡng là cổ đông, Phó Tổng giám đốc của công ty vay số tiền 19 tỷ đồng):

Ngày 28/6/2024, Công ty đã thu hồi lại toàn bộ số tiền đã cho ông Trịnh Xuân Dưỡng vay là 19 tỷ đồng.

Tại mục thuyết minh số 09 (Phải thu về cho vay ngắn hạn) của BCTC bán niên được soát xét năm 2024 của Công ty đã thể hiện thu hồi khoản cho vay nêu trên.

(BCTC soát xét bán niên năm 2024 đã được công bố thông tin trên website của công ty tại đường dẫn: <http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/> và trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 14/08/2024).

VI, Báo cáo tài chính

*** Ý kiến kiểm toán cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024**

Cơ sở của Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận số dư tạm ứng cho một số cá nhân để thực hiện hoạt động kinh doanh, số dư 88.530.275.066 đồng. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng này vì vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31/12/2024, trên khoản mục “Phải thu về cho vay dài hạn” đang ghi nhận số dư cho các cá nhân vay số tiền 95 tỷ đồng phát sinh tại Công ty TNHH Victory Việt Nam (là Công ty Con của Công ty), không lãi suất trong thời gian 24 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi cũng như tính hợp lý của giao dịch và số dư khoản phải thu về cho vay này, vì vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng hóa là nông sản giao ngay là 281.844.029.725 đồng, giá vốn tương ứng là 279.311.791.183 đồng, lợi nhuận gộp là 2.532.238.542 đồng. Toàn bộ giá trị hàng bán trong kỳ đã được thanh toán, không còn công nợ tại ngày 31/12/2024 nên không còn rủi ro về các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch này. Tuy nhiên, hồ sơ giao dịch chỉ bao gồm hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa, hóa đơn theo quy định hiện hành, các hoạt động này không phát sinh chi phí vận chuyển do trên Hợp đồng quy định công ty Tiên Sơn chỉ định bên bán giao hàng trực tiếp cho bên mua hoặc bên mua đến trực tiếp kho hàng đối tác của bên bán nhận hàng, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng cần thiết liên quan đến địa điểm giao hàng, việc giao hàng đúng địa điểm. Công ty đã có biên bản xác nhận nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán theo Hợp đồng nhưng chưa có hồ sơ thể hiện địa điểm giao nhận hàng hóa cụ thể và chất lượng hàng hóa đã được kiểm định. Do đó chúng tôi không đánh giá được rõ ràng các giao dịch mua bán hàng hóa này có hiện hữu hay không.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY: Đính kèm.

XÁC NHẬN THEO ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Trịnh Xuân Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (bao gồm Phó Chủ tịch HĐQT thường trực và Ban Tổng Giám đốc) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch
Ông Trịnh Xuân Lượng	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Trịnh Văn Dương	Thành viên
Bà Dương Thị Dung	Thành viên
Ông Võ Hồng Khanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Dưỡng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Đặng Thị Minh Thục	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Số: 437/2025/UHY-BCKT

uhy.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/3/2025, từ trang 05 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận số dư tạm ứng cho một số cá nhân để thực hiện hoạt động kinh doanh, số dư 88.530.275.066 đồng. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng này vì vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31/12/2024, trên khoản mục “Phải thu về cho vay dài hạn” đang ghi nhận số dư cho các cá nhân vay số tiền 95 tỷ đồng phát sinh tại Công ty TNHH Victory Việt Nam (là Công ty Con của Công ty), không lãi suất trong thời gian 24 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi cũng như tính hợp lý của giao dịch và số dư khoản phải thu về cho vay này, vì vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng hóa là nông sản giao ngay là 281.844.029.725 đồng, giá vốn tương ứng là 279.311.791.183 đồng, lợi nhuận gộp là 2.532.238.542 đồng. Toàn bộ giá trị hàng bán trong kỳ đã được thanh toán, không còn công nợ tại ngày 31/12/2024 nên không còn rủi ro về các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch này. Tuy nhiên, hồ sơ giao dịch chỉ bao gồm hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa, hóa đơn theo quy định hiện hành, các hoạt động này không phát sinh chi phí vận chuyển do trên Hợp đồng quy định công ty Tiên Sơn chỉ định bên bán giao hàng trực tiếp cho bên mua hoặc bên mua đến trực tiếp kho hàng đối tác của bên bán nhận hàng, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng cần thiết liên quan đến địa điểm giao hàng, việc giao hàng đúng địa điểm. Công ty đã có biên bản xác nhận nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán theo Hợp đồng nhưng chưa có hồ sơ thể hiện địa điểm giao nhận hàng hóa cụ thể và chất lượng hàng hóa đã được kiểm định. Do đó chúng tôi không đánh giá được rõ ràng các giao dịch mua bán hàng hóa này có hiện hữu hay không.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Phạm Thị Thảo

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		338.201.142.715	468.060.301.717
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.510.430.120	2.079.219.084
Tiền	111		11.510.430.120	2.079.219.084
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.588.010.013	20.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	26.588.010.013	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.576.713.658	417.455.201.374
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.358.004.074	54.306.382.676
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	165.322.200.642	113.940.196.982
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	2.844.300.001	55.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	92.530.514.835	195.218.324.183
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(22.478.305.894)	(1.909.702.467)
Hàng tồn kho	140	11	13.269.530.449	27.578.288.832
Hàng tồn kho	141		17.266.781.943	29.789.466.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.997.251.494)	(2.211.177.737)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.256.458.475	947.592.427
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.133.399.516	824.533.468
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	123.058.959	123.058.959
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		996.066.530.330	543.280.761.484
Các khoản phải thu dài hạn	210		97.154.164.742	31.444.164.742
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	95.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	10	2.154.164.742	31.444.164.742
Tài sản cố định	220		78.822.927.681	136.188.628.937
Tài sản cố định hữu hình	221	17	75.334.526.298	125.159.925.620
- Nguyên giá	222		170.144.003.095	299.634.188.603
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.809.476.797)	(174.474.262.983)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	3.488.401.383	5.122.788.183
- Nguyên giá	225		6.257.540.771	6.257.540.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.769.139.388)	(1.134.752.588)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	5.905.915.134
- Nguyên giá	228		-	6.513.877.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(607.961.866)
Bất động sản đầu tư	230	14	510.842.724.420	294.346.753.470
- Nguyên giá	231		674.291.077.766	388.176.371.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(163.448.353.346)	(93.829.618.257)
Tài sản dở dang dài hạn	240		166.738.988.321	810.673.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	166.738.988.321	810.673.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	67.322.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	67.322.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		142.507.725.166	13.168.541.335
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	66.839.359.666	13.168.541.335
Lợi thế thương mại	269		75.668.365.500	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.334.267.673.045	1.011.341.063.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		608.875.691.459	303.719.940.136
Nợ ngắn hạn	310		200.201.307.045	180.696.832.053
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	21.369.085.170	31.694.531.405
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		210.124.213	210.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	14.090.410.982	6.220.067.698
Phải trả người lao động	314		5.577.880.809	4.563.695.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.068.303.041	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		21.754.733.156	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.099.018.842	443.074.082
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	134.930.658.002	137.464.371.038
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		101.092.830	101.092.830
Nợ dài hạn	330		408.674.384.414	123.023.108.083
Chi phí phải trả dài hạn	333		76.731.385.907	-
Phải trả dài hạn khác	337	21	86.279.914.540	47.252.675.709
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	232.880.892.368	75.770.432.374
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		12.782.191.599	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		725.391.981.586	707.621.123.065
Vốn chủ sở hữu	410	22	725.391.981.586	707.621.123.065
Vốn góp của chủ sở hữu	411		708.191.030.000	708.191.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		708.191.030.000	708.191.030.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(210.000.000)	(210.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		439.500.000	439.500.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		18.000.000	18.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.322.332.187)	(817.406.935)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(817.406.935)	1.649.169.364
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.504.925.252)	(2.466.576.299)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.275.783.773	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.334.267.673.045	1.011.341.063.201

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Chủ tịch HĐQT

Lê Thị Hương

Trần Thị Hà



Trịnh Xuân Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	583.009.927.395	599.354.540.320
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		583.009.927.395	599.354.540.320
Giá vốn hàng bán	11	24	530.233.706.850	552.233.080.356
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.776.220.546	47.121.459.964
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.690.610.681	2.498.754.473
Chi phí tài chính	22	26	24.526.384.148	25.588.238.928
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.668.976.618	23.346.940.499
Chi phí bán hàng	25	27	11.292.331.741	5.839.595.312
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	34.406.827.154	11.683.135.646
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.758.711.815)	6.509.244.551
Thu nhập khác	31	30	8.621.250.214	791.982.243
Chi phí khác	32	31	2.741.639.333	7.632.188.191
Lợi nhuận khác	40		5.879.610.882	(6.840.205.948)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.879.100.934)	(330.961.397)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.427.537.230	2.135.614.902
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.443.149	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		(8.311.081.313)	(2.466.576.299)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		(8.345.961.789)	(2.466.576.299)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.880.476	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(118)	(35)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	(118)	(35)

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Chủ tịch HĐQT



Lê Thị Hương

Trần Thị Hà

Trịnh Xuân Lượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(4.879.100.934)	(330.961.397)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		57.882.333.736	42.969.038.194
Các khoản dự phòng	03		22.354.677.184	659.446.150
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.675.712.566	160.236.416
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(6.911.183.366)	(2.301.823.358)
Chi phí lãi vay	06		20.668.976.618	23.182.790.632
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		91.791.415.804	64.338.726.637
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		191.934.187.715	36.375.891.607
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		12.522.684.626	(14.051.247.442)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22.038.188.028)	(24.780.349.337)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(53.670.818.331)	4.512.641.769
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.639.241.376)	(23.346.940.499)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(787.430.290)	(2.135.614.902)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		25.581.270.000	-
Các điều chỉnh khác			(293.336.588.327)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(67.642.708.207)	40.913.107.833
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.387.912.903)	(6.257.540.782)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.257.540.782
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.588.010.013)	(39.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	1.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		67.322.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.375.541.269	2.301.823.358
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		34.721.618.353	(35.698.176.642)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		283.321.538.050	241.828.429.841
Tiền trả nợ gốc vay	34		(239.779.712.908)	(258.355.837.948)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.192.843.714)	(2.424.797.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.348.981.428	(18.952.205.167)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.427.891.574	(13.737.273.976)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	2.079.219.084	15.812.579.609
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.319.462	3.913.451
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	11.510.430.120	2.079.219.084

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Trần Thị Hà

Phó Chủ tịch HĐQT
thường trực



Trịnh Xuân Lượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 09/08/2023.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 09/08/2023, vốn điều lệ của Công ty là 708.191.030.000 đồng (*Bảy trăm linh tám tỷ, một trăm chín mươi một triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng chẵn*).

Trụ sở Công ty: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 213 người (Tại ngày 31/12/2023 là 634 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu trong năm 2024: Kinh doanh hàng nông sản, cho thuê xưởng và sản xuất gia công hàng may mặc.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh hàng sơn mài, mỹ nghệ, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Dịch vụ nhà đất;
- Bán phụ tùng và các loại bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Chi tiết: Bán buôn vật tư, máy thiết bị công nghiệp và xây dựng
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, hàng sơn mài mỹ nghệ
- Đại lý môi giới, đấu giá;
Chi tiết: Đại lý vật tư, máy móc thiết bị công nghiệp và xây dựng, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy
- Chế biến hàng nông, lâm sản, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, hàng nông sản, hàng sơn mài mỹ nghệ và hàng dệt may.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024 là năm đầu tiên Công ty hợp nhất Báo cáo tài chính. Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán do năm 2024 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty Con như sau:

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề KD chính
Công ty TNHH Victory Vietnam	90,08%	90,08%	Cho thuê xưởng
Công ty Cổ phần HT Việt Nga	96,75%	96,75%	Hạ tầng Cụm công nghiệp
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiên Sơn (*)	100%	100,00%	Kinh doanh thương mại ô tô
Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS	95,00%	95,00%	Cho thuê văn phòng

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sở hữu 60% cổ phần tại Công ty CP Thương mại Ô tô Tiên Sơn, tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2024, các cổ đông còn lại chưa tham gia góp vốn nên tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty con này là 100%.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con và giữa các công ty con với nhau sẽ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Điều hành đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp hoặc gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo Giấy đăng ký Kinh doanh và tỷ lệ vốn góp thực thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành 1 chỉ tiêu hợp nhất thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu hợp nhất riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào các khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính 2024. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty không phản ánh vào hàng tồn kho đối với nguyên vật liệu không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp như nguyên vật liệu nhận giữ hộ, nguyên vật liệu nhận để gia công.

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản (BDS) đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BDS đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra để có được BDS đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BDS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá BDS đầu tư; Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao BDS đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 5 năm đến 25 năm.

4.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn và cổ tức lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết (đã thoái vốn trong năm). Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn được xác định theo từng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn được xác định theo số dư tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và được áp dụng cho từng thời kỳ theo lãi suất của ngân hàng thương mại mở tài khoản.

Thu nhập khác

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.18 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: Chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí kinh doanh, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.19 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau: Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.22 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	3.492.620.075	33.063.660
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.017.810.045	2.046.155.424
Cộng	11.510.430.120	2.079.219.084

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>				
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Hóa	-	-	20.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Thanh Hóa (*)	26.588.010.013	-	-	-
Cộng	26.588.010.013	-	20.000.000.000	-

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt với lãi suất 5,9%/năm.

6.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Lương Phát đã được Công ty thoái vốn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Lộc	16.459.661.365	(4.937.898.409)	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển MTC Việt Nam	-	-	6.594.948.949	-
- Công ty Max International INC	5.526.688.057	(5.526.688.057)	5.526.688.057	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Sơn Thanh Hóa	-	-	2.250.239.400	-
- Công ty TNHH Ever Shine Việt Nam	2.526.416.563	-	-	-
- Công ty Cổ phần May Tatsui	-	-	9.228.000.000	-
- Jiangsu Guotai Internat ional group guomao co., LTD	5.985.145.188	-	724.800.000	-
- Công ty Cổ phần XNK May Anh Vũ	1.553.220.712	-	3.286.312.446	-
- CN số 02- Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ	288.447.600	-	2.146.534.600	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Thắng	-	-	4.269.576.801	-
- Công ty TNHH May Sumec Việt Nam	230.032.407	-	4.511.619.327	-
- Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	-	-	7.799.729.225	-
- Các khoản phải thu Khách hàng khác	7.788.392.182	(768.343.293)	7.967.933.871	-
Cộng	40.358.004.074	(11.232.929.759)	54.306.382.676	-
Trong đó, Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 35)	16.459.661.365		20.208.247.692	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Lương Phát	136.826.324.861	(9.076.964.001)	54.930.957.849	-
- Công ty Cổ phần May Tatsu	-	-	50.686.845.546	-
- Công ty Cổ phần TDT Fashion Australia	19.394.726.342	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giáo dục Hồng Đức	-	-	104.584.999	-
- Công ty Cổ phần Victory Việt Nam	-	-	5.053.925.292	-
- Các đối tượng khác	9.101.149.439	(2.240.412.134)	3.163.883.296	-
Cộng	165.322.200.642	(11.317.376.135)	113.940.196.982	-
Trong đó, Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 35)	156.709.121.203		110.671.728.687	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Ông Trịnh Văn Vĩnh (1)	2.844.300.001	-	55.900.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Mai	2.844.300.001	-	-	-
- Bà Hoàng Thị Dung	-	-	22.000.000.000	-
- Ông Trịnh Xuân Dưỡng	-	-	14.900.000.000	-
Dài hạn				
- Bà Mai Thị Hà (2)	95.000.000.000	-	19.000.000.000	-
- Ông Lê Quyền (3)	50.000.000.000	-	-	-
	45.000.000.000	-	-	-
Cộng	192.844.300.001	-	55.900.000.000	-
Trong đó, Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 35)				
	-		19.000.000.000	

(1) Hợp đồng cho vay tiền ngày 15/10/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa và Ông Trịnh Văn Vĩnh. Theo đó:

- + Hạn mức: 6.435.000.000 đồng
- + Thời hạn vay: 12 tháng
- + Lãi suất vay: 7,8%/ năm
- + Tài sản đảm bảo: 64.350 cổ phần của Ông Trịnh Văn Vĩnh sở hữu tại Công ty CP Thương mại Ô tô Thanh Hóa, giá trị theo mệnh giá là 6.435.000.000 đồng.

(2) Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền số 01/VTR/HĐ ngày 28/3/2024 giữa Công ty và bà Mai Thị Hà, số tiền cho vay 50 tỷ, hình thức cho vay: bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn cho vay 24 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền số 02/VTR/HĐ ngày 28/6/2024 giữa Công ty và ông Lê Quyền, số tiền cho vay 45 tỷ, hình thức cho vay: bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn cho vay 24 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	89.649.133.532	-	55.900.296.786	-
+ Ông Trịnh Xuân Lương	52.114.951.066	-	35.749.949.019	-
+ Ông Trịnh Văn Dương	36.415.324.000	-	-	-
+ Bà Trịnh Thị Dung	-	-	50.000.000	-
+ Ông Lê Quyền	-	-	4.271.738.136	-
+ Ông Trần Công Khá	-	-	6.300.000.000	-
+ Bà Ngô Thanh Vân	-	-	3.700.000.000	-
+ Tạm ứng khác	1.118.858.466	-	5.828.609.631	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Mỹ	-	-	80.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần TDT Fashion Australia	-	-	59.000.000.000	-
- Phải thu lãi cho vay dự thu	2.881.381.303	-	318.027.397	-
Cộng	92.530.514.835	-	195.218.324.183	-
Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	2.154.164.742	-	31.444.164.742	-
+ Công ty Cổ phần Lương Phát	-	-	15.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Miền Tây	1.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	800.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	10.000.000	-	-	-
+ Mua Bất động sản	-	-	2.100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Great Vina	-	-	14.000.000.000	-
+ Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE	344.164.742	-	344.164.742	-
Cộng	2.154.164.742	-	31.444.164.742	-
	88.530.275.066		123.749.949.016	

Trong đó, Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 35)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.302.022.139	(880.036.000)	880.036.000	(880.036.000)
- Công cụ, dụng cụ	50.094.000	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.163.834	-	4.095.600.870	-
- Thành phẩm	13.456.436.181	(1.331.141.737)	20.417.481.487	(1.331.141.737)
- Hàng hóa	2.451.065.789	(1.786.073.757)	4.396.348.212	-
Cộng	17.266.781.943	(3.997.251.494)	29.789.466.569	(2.211.177.737)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	6.257.540.771	6.257.540.771
31/12/2024	6.257.540.771	6.257.540.771
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(1.134.752.588)	(1.134.752.588)
- Khấu hao trong năm	(1.634.386.800)	(1.634.386.800)
31/12/2024	(2.769.139.388)	(2.769.139.388)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	5.122.788.183	5.122.788.183
31/12/2024	3.488.401.383	3.488.401.383

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	6.513.877.000	6.513.877.000
- Phân loại lại	(6.513.877.000)	(6.513.877.000)
31/12/2024	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(607.961.866)	(607.961.866)
- Khấu hao trong năm	(65.138.772)	(65.138.772)
- Phân loại lại	673.100.638	673.100.638
31/12/2024	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	5.905.915.134	5.905.915.134
31/12/2024	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Tăng do hợp nhất	Số cuối năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	388.176.371.727	72.879.588.293	213.235.117.746	674.291.077.766
- Quyền sử dụng đất	1.572.651.000	6.513.877.000	-	8.086.528.000
- Nhà cửa vật kiến trúc (*)	386.603.720.727	66.365.711.293	213.235.117.746	666.204.549.766
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(93.829.618.257)	(37.271.136.123)	(32.347.598.966)	(163.448.353.346)
- Quyền sử dụng đất	(70.769.295)	(842.694.457)	-	(913.463.752)
- Nhà cửa vật kiến trúc	(93.758.848.962)	(36.428.441.666)	(32.347.598.966)	(162.534.889.594)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	294.346.753.470	35.608.452.170	180.887.518.780	510.842.724.420
- Quyền sử dụng đất	1.501.881.705	5.671.182.543	-	7.173.064.248
- Nhà cửa vật kiến trúc	292.844.871.765	29.937.269.627	180.887.518.780	503.669.660.172

(*) Nhà cửa vật kiến trúc là các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh và các công trình trên đất khác mà Công ty đang thực hiện cho thuê tại Nhà máy may Yên Định, Nhà máy may Quý Lộc, Nhà máy may Triệu Sơn, Nhà máy may Thọ Xuân và 1 phần Nhà máy may Sơn Hà.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 510.842.724.420 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 294.346.753.470 đồng).

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng, cho thuê	11.282.134.404	4.862.375.979
- Chi phí giải phóng mặt bằng NM May Triệu sơn	3.442.565.574	3.497.536.678
- Đền bù Giải phóng mặt bằng NM May Quý Lộc	4.318.076.327	4.381.577.447
- Giá trị QSDĐ có thời hạn nhà máy Thọ Xuân	45.238.479.546	-
- Chi phí trả trước khác	2.558.103.815	427.051.231
Cộng	66.839.359.666	13.168.541.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	166.738.988.321	166.738.988.321	810.673.000	810.673.000
Mua sắm tài sản cố định	499.104.296	499.104.296	-	-
Tòa nhà PH1, Khu thương mại DV và dân cư B-TM1	162.086.345.639	162.086.345.639	-	-
Dự án cụm công nghiệp Vĩnh Hòa	3.342.865.386	3.342.865.386	-	-
Công trình khác	810.673.000	810.673.000	810.673.000	810.673.000
Cộng	166.738.988.321	166.738.988.321	810.673.000	810.673.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
01/01/2024	144.307.284.363	149.020.957.799	5.774.538.821	531.407.620	299.634.188.603
- Mua trong kỳ	-	22.166.170.850	-	-	22.166.170.850
- Tặng do hợp nhất	-	-	2.400.627.273	-	2.400.627.273
- Thanh lý, nhượng bán	-	(107.470.987.965)	-	-	(107.470.987.965)
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(46.585.995.666)	-	-	-	(46.585.995.666)
31/12/2024	97.721.288.697	63.716.140.684	8.175.166.094	531.407.620	170.144.003.095
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(64.637.459.534)	(104.338.812.373)	(5.109.373.779)	(388.617.297)	(174.474.262.983)
- Khấu hao trong kỳ	(8.456.750.613)	(10.022.739.616)	(393.181.812)	(39.000.000)	(18.911.672.041)
- Tăng do hợp nhất	-	-	(129.872.645)	-	(129.872.645)
- Thanh lý, nhượng bán	-	85.902.817.746	-	-	85.902.817.746
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	12.803.513.126	-	-	-	12.803.513.126
31/12/2024	(60.290.697.021)	(28.458.734.243)	(5.632.428.236)	(427.617.297)	(94.809.476.797)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	79.669.824.829	44.682.145.426	665.165.042	142.790.323	125.159.925.620
31/12/2024	37.430.591.676	35.257.406.441	2.542.737.858	103.790.323	75.334.526.298

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 5.347.351.236 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 29.607.161.621 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 97.867.843.518 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 91.738.275.154 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
VND	VND	VND	VND
21.369.085.170	21.369.085.170	31.694.531.405	31.694.531.405
2.102.315.105	2.102.315.105	-	-
7.791.139.852	7.791.139.852	3.878.294.752	3.878.294.752
-	-	1.049.060.726	1.049.060.726
-	-	21.829.198.214	21.829.198.214
11.475.630.213	11.475.630.213	4.937.977.713	4.937.977.713
21.369.085.170	21.369.085.170	31.694.531.405	31.694.531.405

Ngân hàng

- Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam
- Công ty TNHH Trần Hiếu
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Cà phê AVINA
- Công ty TNHH MTV Cà phê Tuy Đức Đắk Nông
- Phải trả nhà cung cấp khác

Cộng

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

31/12/2024	Số phải nộp trong năm VND	Tăng do hợp nhất VND	Số đã nộp trong năm VND	01/01/2024 VND
VND	VND	VND	VND	VND
3.815.488.551	15.599.697.570	59.235	13.574.982.731	1.790.714.477
9.111.391.201	3.454.205.457	2.966.231.845	787.430.290	3.478.384.189
8.862.612	15.174.112	5.588.077	16.480.683	4.581.106
1.152.595.309	1.327.098.292	534.724.429	1.653.542.029	944.314.617
2.073.309	-	-	-	2.073.309
14.090.410.982	20.396.175.431	3.506.603.586	16.032.435.733	6.220.067.698
123.058.959	-	-	-	123.058.959
123.058.959	-	-	-	123.058.959

Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
A VAY NGÁN HẠN	134.930.658.002	134.597.598.002	238.138.783.586	241.005.556.622	137.464.371.038	137.464.371.038
I Vay ngắn hạn	89.819.318.926	89.819.318.926	190.855.778.580	217.932.531.423	116.896.071.769	116.896.071.769
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bim Sơn (1)	34.997.892.926	34.997.892.926	68.864.716.960	68.715.134.054	34.848.310.020	34.848.310.020
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa (2)	54.321.426.000	54.321.426.000	89.763.260.871	84.794.795.871	49.352.961.000	49.352.961.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thanh Hoá	-	-	32.194.800.749	64.389.601.498	32.194.800.749	32.194.800.749
Vay cá nhân	500.000.000	500.000.000	33.000.000	33.000.000	500.000.000	500.000.000
II Vay dài hạn tới hạn trả (dưới 1 năm)	45.111.339.076	44.778.279.076	47.283.005.006	23.073.025.199	20.568.299.269	20.568.299.269
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bim Sơn (3)	5.200.000.000	5.200.000.000	3.900.000.000	3.900.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa (4)	30.277.661.292	30.277.661.292	32.177.661.292	15.977.681.485	14.077.681.485	14.077.681.485
Công ty thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chalease - CN Hà Nội (5)	1.290.617.784	1.290.617.784	1.192.843.714	1.192.843.714	1.290.617.784	1.290.617.784
Ngân hàng TMCP Bán Việt- Chi nhánh Thanh Hóa (6)	8.010.000.000	8.010.000.000	10.012.500.000	2.002.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thanh Hoá (7)	333.060.000	333.060.000	333.060.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CHỈ TIÊU	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
B VAY DÀI HẠN	232.880.892.368	232.880.892.368	192.393.465.000		75.770.432.374	75.770.432.374
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bim Sơn (3)	10.400.000.000	10.400.000.000	-		14.300.000.000	14.300.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa (4)	77.950.645.155	77.950.645.155	39.200.000.000		58.928.306.447	58.928.306.447
Công ty thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (5)	1.349.282.213	1.349.282.213	-		2.542.125.927	2.542.125.927
Ngân hàng TMCP Bán Việt- Chi nhánh Thanh Hóa (6)	141.987.500.000	141.987.500.000	152.000.000.000		-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thanh Hoá (7)	1.193.465.000	1.193.465.000	1.193.465.000		-	-
Tổng cộng	367.811.550.370	367.478.490.370	430.532.248.586	276.288.561.628	213.234.803.412	213.234.803.412

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300058003/2024-HĐCVHM/NHCT424-TIEN SON TH ngày 06/02/2024. Hợp đồng có hạn mức 35.000.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 06 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh gia công hàng may mặc và thương mại nông sản (cả phiê, hạt tiêu). Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2416600411/HĐCVHM ngày 17/06/2024. Hợp đồng có hạn mức 55.000.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 07 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh gia công hàng may mặc. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo khoản vay gồm:

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 684020

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DD 742100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (3) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 300058003/2022-HĐCVDADT/NHCT424-SON HA MO RONG. Hợp đồng có hạn mức 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay 66 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Mở rộng nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà". Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 044780.

- (4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa gồm các hợp đồng cho vay sau:

(i) Hợp đồng tín dụng từng lần số 2135000291/HĐTDTL ngày 17/12/2021. Hạn mức 90.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 96 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn để thực hiện Dự án: Nhà máy may xuất khẩu, sản xuất túi xách, giấy xuất khẩu Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Lãi suất: theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Là các tài sản đảm bảo của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2135000124/HĐTDTM ngày 17/12/2021 (như đã trình bày tại mục (2))

(ii) Hợp đồng cho vay từng lần số 2129100077/HĐTDTL ngày 19/10/2021. Hạn mức 25.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn để thực hiện Dự án "Cải tạo, nâng cấp sửa chữa nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn". Lãi suất: theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 684020
- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BS 761565
- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 044649

(iii) Hợp đồng cho vay từng lần số 2132100362/HĐTDTL ngày 18/11/2021. Hạn mức 7.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư máy móc thiết bị nhập khẩu. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 684020
- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BS 761565
- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 044649
- + Lô máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay

(iv) Hợp đồng cho vay từng lần số 1912400161/HĐTDTL ngày 16/5/2019. Hạn mức 15.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn tài trợ tiền thuê đất và chi phí mua sắm máy móc thiết bị thuộc dự án nhà máy may Triệu Sơn. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 589107
- + Lô máy móc thiết bị hình thành từ phương án vay vốn theo hợp đồng ngoại thương số ZJ18-3125-2 ngày 13/12/2018 giữa Công ty và Zoje Sewing Machine Co., Ltd

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

+ Hệ thống máy móc thiết bị, máy chuyên dùng cho ngành may công nghiệp được lắp đặt tại nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà

(v) Hợp đồng cho vay từng lần số REF 2417600581/HDCVTL ngày 26/06/2024. Hạn mức 16.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định là máy móc thiết bị phục vụ hoạt động may mặc của Khách hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 742100, sổ vào sổ cấp GCN: CT 17907 do Sở tài nguyên và môi trường Thanh Hóa cấp ngày 26/11/2021

+ Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 001/13/08/2021/TS-VTR ngày 13/08/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn và Chi nhánh số 2 – Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ

+ Lô máy móc thiết bị lĩnh vực may mặc theo proforma invoice số ZJ24-6806 ngày 12/03/2024

+ Lô máy móc thiết bị lĩnh vực may mặc theo purchase order số M24030014 ngày 12/03/2024

(5) Khoản nợ dài hạn theo hợp đồng cho thuê tài chính số 230344212 ngày 05/04/2023 và hợp đồng số 230359012 ngày 27/04/2023 giữa Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa. Tài sản thuê là máy móc thiết bị ngành may, thời hạn thuê 4 năm, gốc và lãi thuê được trả định kỳ hàng tháng.

(6) Bao gồm 2 khoản vay:

(i) Hợp đồng cho vay từng lần số 0752400027200 ngày 24/06/2024. Hạn mức 80.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà máy may Yên Định. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Bất động sản là tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 45, tờ bản đồ địa chính số 24 (do vẽ 2013) địa chỉ xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất, số phát hành DO 610777, sổ vào sổ cấp GCN CT 22339, do văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa cấp ngày 24/04/2024

+ Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi của bên được cấp tín dụng tối thiểu 1.014.000 USD

+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê chính thức giữa Công ty và các Công ty dự án để đảm bảo khoản vay

(ii) Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng tổ chức số 0752400027500 ký vào ngày 28/10/2024 của Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Thanh Hóa, Số tiền vay: 72.000.000.000 đồng, Thời hạn cấp hạn mức: 120 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân cho đến ngày hết thời hạn Bên được cấp tín dụng phải trả hết gốc và lãi tiền vay được cấp tín dụng cho đến thời điểm Gửi ngân hàng, Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Để đầu tư dự án “Cụm trung tâm thương mại P.HI thuộc khu thương mại và dịch vụ tại cụm B-TM1, Khu đô thị mới Đông Hương, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa” và/hoặc để bổ sung vốn kinh doanh (theo thầu) cụ thể. Tài sản đảm bảo bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

+ Bất động sản thuộc Cụm trung tâm Phúc Hợp PH1 tọa lạc tại khu đất số 48 (72, với bằng số số 18 (đờ vẽ năm 2010), địa chỉ Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại sổ chứng nhận CV 881294, sổ vào sổ cấp GCN: CT 11701, Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh, do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/06/2020;

+ Cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Hải – TS thuộc sổ cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa và một số cá nhân;

+ Quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn; ...) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa được nhận phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê nhà xưởng số 01/2021/TS-SM ký ngày 04/01/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này là Phụ lục Hợp đồng thuê nhà xưởng ký ngày 01/06/2024 giữa Công ty Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa và Công ty TNHH May Sumec Việt Nam.

- (7) Khoản vay theo Hợp đồng vay dài hạn giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiên Sơn theo hợp đồng cho vay ngày 03/08/2024. Số tiền vay: 1.665.300.000 đồng, Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô con nhãn hiệu SKODA KAROQ và 01 xe ô tô con nhãn hiệu SKODA KADIAQ phục vụ mục đích đi lại của Công ty. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo khoản vay là 02 xe ô tô SKODA.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.099.018.842	443.074.082
- Kinh phí công đoàn	279.253.641	-
- Bảo hiểm xã hội	2.315.250	30.259.010
- Các khoản khác	817.449.951	412.815.072
Dài hạn	86.279.914.540	47.252.675.709
- Nhận đặt cọc thuê xưởng	86.279.914.540	47.252.675.709
+ Công ty TNHH Ever Shine	6.240.780.000	-
+ Công ty TNHH Meijie Clothing	19.340.490.000	-
+ Công ty TNHH TS Vina	-	5.254.186.169
+ Công ty TNHH HUG Vina	1.352.388.540	5.519.133.540
+ Công ty TNHH May Sumec Việt nam	14.993.884.000	14.993.884.000
+ Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ	21.485.472.000	21.485.472.000
+ Công ty TNHH Công nghệ thể thao Victory	22.866.900.000	-
Cộng	87.378.933.382	47.695.749.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	638.014.890.000	(210.000.000)	439.500.000	18.000.000	71.825.309.364	-	710.087.699.364
- Tăng vốn trong năm	70.176.140.000	-	-	-	(70.176.140.000)	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(2.466.576.299)	-	(2.466.576.299)
31/12/2023	708.191.030.000	(210.000.000)	439.500.000	18.000.000	(817.406.935)	-	707.621.123.065
01/01/2024	708.191.030.000	(210.000.000)	439.500.000	18.000.000	(817.406.935)	-	707.621.123.065
- Lãi/Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(8.345.961.789)	34.880.476	(8.311.081.313)
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	1.841.036.537	24.240.903.297	26.081.939.834
31/12/2024	708.191.030.000	(210.000.000)	439.500.000	18.000.000	(7.322.332.187)	24.275.783.773	725.391.981.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
- Ông Trịnh Xuân Lâm	83.314.650.000	11,8%	83.314.650.000	11,8%
- Ông Trịnh Xuân Lượng	12.568.530.000	1,8%	12.568.530.000	1,8%
- Bà Nguyễn Thị Dụ	1.237.650.000	0,2%	1.237.650.000	0,2%
- Ông Trịnh Văn Dương	5.588.430.000	0,8%	5.588.430.000	0,8%
- Ông Trịnh Xuân Dưỡng	4.950.600.000	0,7%	4.950.600.000	0,7%
- Các cổ đông khác	600.531.170.000	84,8%	600.531.170.000	84,8%
Cộng	708.191.030.000	100,00%	708.191.030.000	100,00%

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Hoạt động thương mại	359.787.382.456	413.282.318.735
- Doanh thu gia công	159.171.120.385	136.713.563.966
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng	62.922.192.584	48.396.542.000
- Doanh thu khác	1.129.231.970	962.115.619
Cộng	583.009.927.395	599.354.540.320

Trong đó, Doanh thu với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)

17.528.276.000 13.114.315.152

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Hoạt động thương mại	355.224.404.960	397.378.730.911
- Hoạt động gia công	137.577.626.472	119.660.089.440
- Hoạt động cho thuê nhà xưởng	37.431.675.418	35.194.260.005
Cộng	530.233.706.850	552.233.080.356

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	5.344.170.681	2.301.823.358
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.346.440.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	196.931.115
Cộng	6.690.610.681	2.498.754.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	20.668.976.618	23.346.940.499
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.181.694.964	2.241.298.429
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.675.712.566	-
Cộng	24.526.384.148	25.588.238.928

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên	528.201.966	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.382.623	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	129.872.645	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.631.719	-
- Chi phí mua ngoài khác	10.602.242.788	5.839.595.312
Cộng	11.292.331.741	5.839.595.312

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	5.882.684.748	4.278.624.920
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.797.425.886	307.678.598
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định, công cụ dụng cụ	828.260.834	588.257.127
- Thuế, phí và lệ phí	299.678.544	395.063.197
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	4.506.828.357	6.033.511.804
- Phân bổ lợi thế thương mại	635.868.618	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	20.456.080.167	80.000.000
Cộng	34.406.827.154	11.683.135.646

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên nhiên vật liệu	4.585.118.039	2.219.865.778
- Chi phí nhân công	37.869.293.786	58.090.033.176
- Khấu hao tài sản cố định	58.012.206.381	50.949.537.804
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi bằng tiền, chi phí khác	89.902.524.024	75.168.848.641
- Các khoản dự phòng	22.235.672.184	-
Cộng	212.604.814.414	186.428.285.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi từ thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	220.572.685	556.619.609
- Thu nhập từ khoản công nợ không phải trả	6.186.582.203	140.452.448
- Lãi giao dịch mua rẻ	488.197.879	-
- Các khoản thu nhập khác	1.725.897.447	94.910.186
Cộng	8.621.250.214	791.982.243

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Xử lý các khoản công nợ không có khả năng thu hồi	274.269.357	5.121.250.000
- Các khoản chậm nộp	419.422.763	402.039.179
- Chi phí khác	2.047.947.213	2.108.899.012
Cộng	2.741.639.333	7.632.188.191

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.879.100.934)	(330.961.397)
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>23.363.227.084</i>	<i>11.154.372.011</i>
Các khoản chi phí không được trừ	23.051.630.290	11.154.372.011
Các khoản điều chỉnh khác	311.596.794	-
Các khoản điều chỉnh giảm	1.346.440.000	145.336.103
Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	145.336.103
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.346.440.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	17.137.686.150	10.678.074.511
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.427.537.230	2.135.614.902

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.345.961.789)	(2.466.576.299)
Lợi nhuận/(Lỗ) bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(8.345.961.789)	(2.466.576.299)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.819.103	70.819.103
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(118)	(35)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

35. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch và/hoặc có các khoản phải thu/phải trả trong năm 2024:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần May Tatsu	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Lương Phát	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP TDT Fashion Australia	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP DG Win Vina	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Lộc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Xuân Dưỡng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Dương	Thành viên HĐQT

Giao dịch với bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng từ bên liên quan	41.011.193.099	96.098.804.069
- Công ty Cổ phần Lương Phát	-	43.590.938.443
- Công ty Cổ phần May Tatsu	9.401.968.137	45.430.580.626
- Công ty CP TDT Fashion Australia	12.730.265.180	2.534.745.000
- Công ty CP DG Win Việt Nam	18.878.959.782	-
- Công ty CP Great Vina	-	4.542.540.000
Bán hàng cho bên liên quan	17.528.276.000	13.114.315.152
- Công ty Cổ phần May Tatsu	3.600.000.000	7.200.000.000
- Công ty CP Thương mại Tiên Sơn TH	13.928.276.000	5.053.611.000
- Công ty CP DG Win Việt Nam	-	860.704.152
Thanh lý tài sản	16.072.799.240	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Lộc	15.240.427.190	-
- Công ty CP DG Win Việt Nam	832.372.050	-
Lãi cho vay	745.424.658	318.027.397
- Ông Trịnh Xuân Dưỡng	745.424.658	318.027.397
Nhận chuyển nhượng Cổ phiếu	213.032.600.000	-
Công ty CP Hoàng Hải - TS		
- Trịnh Xuân Dưỡng	213.032.600.000	-
Công ty Cổ phần HT Việt Nga		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	1.054.374.945	1.177.483.707
- Ông Trịnh Xuân Lâm	83.283.854	73.934.049
- Ông Trịnh Xuân Lượng	256.545.973	253.834.040
- Ông Trịnh Văn Dương	301.479.914	301.835.040
- Ông Lê Văn Hòa	130.952.799	132.000.000
- Ông Lê Đăng Thuyết	144.729.571	161.874.510
- Ông Lê Văn Ngọc	-	134.452.151
- Ông Lương Văn Quyết	-	119.553.917
- Ông Đinh Bộ Lễ	137.382.834	-

Số dư với bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu của khách hàng	16.459.661.365	20.208.247.692
- Công ty Cổ phần May Tatsu	-	9.228.000.000
- Công ty Cổ phần Tiên Sơn - Nga Sơn	-	7.799.729.225
- Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Sơn TH	-	2.250.239.400
- Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	-	930.279.067
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Lộc	16.459.661.365	-
Trả trước cho người bán	156.709.121.203	110.671.728.687
- Công ty Cổ phần Lương Phát	136.826.324.861	54.930.957.849
- Công ty CP TDT Fashion Australia	19.394.726.342	-
- Công ty Cổ phần Victory Việt Nam	-	5.053.925.292
- Công ty Cổ phần May Tatsu	-	50.686.845.546
Phải thu về cho vay	-	19.000.000.000
- Ông Trịnh Xuân Dưỡng	-	19.000.000.000
Phải thu khác	88.530.275.066	123.749.949.016
- Ông Trịnh Xuân Lượng	52.114.951.066	35.749.949.016
- Ông Trịnh Văn Dương	36.415.324.000	-
- Công ty Cổ phần Lương Phát	-	15.000.000.000

36. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại			
- USD	USD	65.317,24	64.983,93
Vật tư, hàng hóa nhận gia công			
- Thành phẩm gia công	Chiếc	72.788	1.126.091
- Vải chính	YDS	136.804	26.780
- Dây, chun, băng các loại	YDS	9.000	75.299
- Phụ kiện (móc, ken vai,...)	SET	20.563	2.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

TT Năm 2024

	Máy gia công	Thương mại	Thuế xưởng	Dịch vụ/khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	159.171.120.385	359.787.382.456	62.922.192.584	1.129.231.970	583.009.927.395	583.009.927.395
2	Doanh thu khác						
3	Khấu hao và chi phí phân bổ	137.577.626.472	355.224.404.960	37.431.675.418	-	6.690.610.681	6.690.610.681
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ					530.233.706.850	530.233.706.850
5	Tổng cộng chi phí(3+4)	137.577.626.472	355.224.404.960	37.431.675.418	-	530.233.706.850	530.233.706.850
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.593.493.913	4.562.977.496	25.490.517.167	1.129.231.970	52.776.220.546	70.225.543.042
7	Chi mua TSCĐ	22.166.170.850		19.779.715.627			41.945.886.477
8	Tài sản bộ phận không phân bổ						1.334.267.673.045
9	Nợ phải trả bộ phận không phân bổ						608.875.691.459
							600.459.249.892
							(10.758.711.815)

TT Năm 2023

	Máy gia công	Thương mại	Thuế xưởng	Dịch vụ/khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	136.713.563.966	413.282.318.735	48.396.542.000	962.115.619	599.354.540.320	599.354.540.320
2	Doanh thu khác						
3	Khấu hao và chi phí phân bổ	119.660.089.440	397.378.730.911	35.194.260.005	-	2.498.754.473	2.498.754.473
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ					552.233.080.356	552.233.080.356
5	Tổng cộng chi phí(3+4)	119.660.089.440	397.378.730.911	35.194.260.005	-	43.110.969.886	43.110.969.886
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh	17.053.474.526	15.903.587.824	13.202.281.995	962.115.619	552.233.080.356	595.344.050.242
7	Chi mua TSCĐ					47.121.459.964	6.509.244.551
8	Tài sản bộ phận không phân bổ						-
9	Nợ phải trả bộ phận không phân						1.011.341.063.201
							303.719.940.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán do năm 2024 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Trần Thị Hà

Phó Chủ tịch HĐQT thường



Trịnh Xuân Lượng

